NĂM THỨ TƯ — Số 142 Thứ năm 11 Mai 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

* Mấy lời kỷ-niệm Ông Lê-Thanh — *Ứng-Hòe*
* Bắc sở tự-tình phú của Lê-Quýnh — *Long-Điền*
* Những ông nghè triều Lê (LXXXI) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Vì yêu chân lý — *Kiều-thanh-Quế — Ngọc-Nhơn*
* Một quyển sử Tàu mới — *Ứng-Hòe*
* Từ văn chương đến việc xã hội — *Tiên-Đàm*
* Tuồng hát Việt-nam — *Hoàng-thiếu-Sơn*
* Bàn góp về nguồn-gốc tiếng Việt-ngữ — *Đào-trọng-Đủ*
* Đại-nam dật-sự (XXX): Cao Biền và Cao Cầm — *Nguyễn-văn-Tố*
* Lại một bài thơ của Đồ Chiểu (hết) — *Lê-thọ-Xuân*
* Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết XXIV) — *Chu-Thiên*

0 $ 40

MẤY LỜI KY-NIỆM

Ông Lê-Thanh

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Nguyễn Lê-Thanh, người còn trẻ tuổi mà chí hiếu học, lúc nào cũng muốn cho văn nước nhà được tiến-bộ, đang chuyên tâm nghiên-cứu và phê-bình, thì đã từ trần, làm cho chúng tôi ngậm-ngùi thương-tiếc...

Ông sinh ngày 13 tháng 8 năm 1912 ở làng Cam đà, tỉnh Sơn-tây, mất ở Hà-nội ngày 26 tháng 4 vừa rồi. Kể ngày vào làng văn, cũng chưa được mấy, mà sách vở còn lại đều có giá-trị, như quyển *Tản-Đà*, quyển *Tú Mỡ*, quyển *Trương-vĩnh-Ký*, *Cuộc phỏng-vấn các nhà văn*, phê-phán thật xác-đáng, nghiên-cứu đến nơi đến chốn, ai cũng công-nhận là có nhiều hy-vọng. Giá Trời cho thêm tuổi, thì còn làm nhiều sách, như sách *Văn-học Việt-Nam hiện-đại* đang đăng ở báo này...

Nhân viếng ông, tôi nhắc qua một câu chuyện vô-tình, mà hóa ra châm-ngôn. Một hôm ông nói với tôi về nghĩa mấy câu của Lão-tử tiễn Khổng-tử, chép trong *Sử ký* Tư-mã Thiên; câu ấy đã dịch ra chữ Pháp trong bộ *Mémoires historiques de Se-ma Ts'ien* của ông E. Chavannes (quyển V, trang 299 301). Các nhà nho ngày xưa thường cắt nghĩa như thế này: « Khổng-tử sang nhà Chu (nay huyện Lạc-dương, tỉnh Hà-nam bên Tàu) hỏi Lão-tử về việc lễ (lúc ấy Khổng-tử ở nước Lỗ, vào khoảng 51 tuổi; Lão-tử làm chức sử ở nhà Chu). Khi cáo-từ trở về, Lão-tử tiễn biệt, nói rằng: « Tôi nghe người phú-quí tiễn khách bằng tiền của, người nhân-đức tiễn khách bằng lời nói. Tôi không được phú-quí, trộm cái danh-hiệu người nhân đức để tiễn nhà ngươi bằng lời nói này: « Người thông-minh xét-đoán kỹ thì gần chết, vì hay nghị luận người ta; người học rộng có tài biện-bạch thì nguy đến thân, vì hay tỏ những điều xấu của người ta; người làm con chớ biết có một mình, người làm tôi chớ biết có một mình » (đoạn này chép trong *Sử-ký* Tư-mã Thiên, q. 47, về chuyện Khổng-tử thế-gia).

Ông Lê-Thanh hỏi mấy câu ấy nghĩa thế nào, mà hai ông có gặp nhau thật không? Người Tây cho mấy câu ấy là ám-chỉ thuyết Khổng-tử (E. Chavannes, *Se-ma Ts'ien*, q. V, trang 301); ông Lê-Thanh nói có lẽ không phải thế. Tôi trả lời rằng: văn nho đời xưa thâm-thúy lắm, có câu đời sau giảng đến hai ba nghĩa, mà vẫn chưa chắc có đúng ý của cổ-nhân không. Văn Trang, Lão lại càng khó nữa. Duy có một điều chắc, là trong bốn câu ấy, hai câu trên không ám-chỉ gì đến đức Khổng, vì đức Khổng không phải là người hay biện-luận như Mạnh-tử, và không hề nói xấu ai bao giờ. Còn hai câu dưới, có lẽ Lão-tử cũng dạy người ta làm con phải hiếu, làm tôi phải trung. Chữ nho là « vi nhân-tử giả, vô dĩ bất kỷ »; nếu giảng theo người Tây là « kẻ làm con không thể tự-chủ được nữa, vì dưới quyền cha mẹ » (celui qui est fils ne peut plus se posséder, car il est à la merci de ses parents), thì chưa chắc đã đúng nghĩa, đúng ý, vì nếu có phải Lão-tử chỉ-trích Khổng-tử, thì sao sách còn chép rằng: « Khi Khổng-tử đã từ-biệt Lão-tử, Khổng-tử có bảo học-trò rằng: « Loài chim thì ta biết nó bay, loài cá thì ta biết nó lội, loài thú thì ta biết nó chạy; nhưng loài chạy có thể lấy lưới săn được, loài lội có thể lấy dây câu được, loài bay có thể lấy tên bắn được; đến như con rồng thì ta không thể biết được, vì nó cưỡi mây cưỡi gió đi trên trời. Hôm nay ta gặp Lão-tử; Lão-tử cũng như con rồng » (đoạn này chép trong chuyện Lão-tử ở *Sử-ký* Tư-mã Thiên, q. 63, đã dịch ra chữ Pháp trong *Lão-tử Đạo đức kinh*, *Le livre de la voie et de la vertu*, của S. Julien, trang XX).

Lão-tử có gặp Khổng-tử không? Ông E. Chavannes cho là không chắc (*La sculpture sur pierre en Chine au temps des deux dynasties Han*, trang 69); nhưng ông có in lại một bản đá chạm về đời Hán (vào thế-kỷ thứ hai sau T.-C.), tạc hai ông gặp nhau, mũ áo đời xưa, ông Khổng thì cầm đôi chim, làm lễ yết-kiến, xung-quanh có xe ngựa người hầu, trông có vẻ cổ...

Ông Lê-Thanh xem bản đá ấy (tức là tờ tranh 55 trong sách Chavannes) lấy làm thích lắm. Tôi có khen ông ham đọc sách, thì ông nói đại-khái rằng: « Mấy nghìn năm nay, sách tây sách tàu in ra không biết bao nhiêu mà kể; mình sinh sau cũng muốn thọ-độc, nếu không xem nhiều, thì mong sao cho có ý lạ lời hay và khỏi trùng-kiến? Gần đây những người làm thơ làm sách nhầm lẫn nhiều quá, vì không chịu đọc. Cần phải đọc như người mới học, thì may mới giúp ích cho quốc-văn. Không biết lấy văn hay của người xưa làm kiểu-mẫu, thì sao thành tài được? Tôi thường nghe người Pháp hỏi nhau rằng: « Trước người ấy học thế nào? » Không phải họ chỉ tin ở văn-bằng đâu, họ tin ở cả cách học và sức học nữa. Có người tự nói là theo khoa-học, cải-cách lối văn này phép văn kia; tựu-trung vẫn lạc đường!... »

Ông Lê-Thanh còn nói với tôi nhiều câu nữa, có câu tựa như châm-ngôn. Nay ông vĩnh biệt, tôi kể lại như thế, để kỷ-niệm một bậc anh-tài, mới vào làng văn, mà đã bị bàn tay khốc-liệt của tạo-hóa đoạt đi, khiến cho chúng tôi bùi-ngùi thương tiếc...

Ứng-hòe
NGUYỄN-VĂN-TỐ

Văn cổ

Bắc sở tự-tình phú

của LÊ QUÝNH

Trông ra việc thế mây bay, đổi trắng thay đen đà chán mắt;
Nghĩ đến tấc lòng lửa đỏi, gan vàng dạ sắt đã ra tro!
Họ Lê gặp lúc suy đồi,
Đảng Nguyễn (Tây-sơn) thừa cơ ngang dọc.
Hoàng-hốt nghe tin giặc đến, dành hàm mà mượn sức đàn đê,
Vội vàng trong lúc vua đi, lội sông để theo hầu gót ngựa.
Đem sức muỗi mà toan vác núi;
Lấy thân hồ muốn mượn oai hùm.
Tồn Cô, phục Sở những ai ai, dở-dang thân-thế;
Tả Hán, tù Yên là thế thế, khe-khắt nỗi đời.
Sót thay, cơ sự không thường,
Ngẫm lại, niềm tây khôn siết!
Muôn dặm đôi phen gió tuyết, tóc chẳng cạo mà chọc đầu,
Mười năm bao quản gió mưa, mũ không xé cũng tự nát.
Ăn đất khác gì giun dưới rãnh,
Đốt mình cũng lựa bướm vào đèn.
Nằm ngồi bao quản thân tà, ổ chó chuồng gà thừa sạch sẽ;
Sống chết mặc dầu số mệnh, con ong cái kiến nhẽ soay vần.
Theo vua, nghĩa ấy dám sai,
Lỡ việc, lòng này thêm thẹn
Rượt tàn chín khúc, nhà xa riêng sót hồn quê.
Giọt ngọc đôi hàng, vua chết siết bao nỗi thảm.
Đạo cả đã ra thế ấy
Tình riêng còn nói được sao.
Mắt mòn mong mỏi nhạn đưa thư, chốn phần tử mịt mù mây trắng.
Lòng nặng âm thầm ô mòn mẹ, cỗi xuân huyên bẳng lẳng bóng tà.
Hiếu trung hỏng cả đôi đường
Trốn tránh chưa can một thác
San trước cũng thà phải chết, liều mình đi, sợ tiếng vô nhân,
Nhục vinh âu nợ dưới trần, tham sống lại ra tuồng bất nghĩa.
Mình bạch xin theo lẽ phải,
Khen chê chi quản miệng đời.
Tiếng bấc nhời chì, trong không thẹn, thì ngoài không sợ,
Gặt sao hay vậy, oán chi trời mà trách chi người.
Than ôi!
Cáo nọ quay đầu về núi.
Chim kia làm tổ cành nam.
Tống Trần Bút-Bá khi xưa, gian nan lắm lòng son càng rõ.
Quang-Bi Dụ Liên cũng thế, may mắn ra tiết ngọc được tròn.
Mà ta nay:
Bạ phờ tóc bạc về đâu, hãy cho trọn kiếp.
Thăm thẳm tầng xanh có xét, chỉ cực bấy giời.

LONG-ĐIỀN *sao lục*.

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 81

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

14. — **Phạm-duy-Viên**, người làng Ngọc-cục, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa kỷ-mùi 1499. Làm quan đến lục-sự (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 49 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 14 a).

15. — **Doãn-đình-Tá** (chép theo *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 49 b; còn *Đăng khoa bị khảo*, q. Thanh-hóa, tờ 39 b. chép là Doãn-đình-Tuấn), người làng Cổ định, huyện Nông-cống, phủ Tĩnh-gia, tỉnh Thanh-hóa. Năm 22 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa 1499. Làm quan đến hiến-sát-sứ. Sau vì chốn khuê-môn không chịu sửa, bị người cáo tỏ, phải tội đồ.

16. — **Lê-Huyên**, người làng Thạnh-nga, huyện Van-giang, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc (nay Bắc-ninh). Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1499. Làm quan đến thừa-chính-sứ (thừa-tuyên-sứ (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 49 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 96 b).

18. — **Đỗ-an-Vĩnh**, người làng Đầu-Hàn, huyện Yên-phong, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1499. Làm quan đến chức chính-đoán-sự (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 49 b; — *Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 57 a, chép là Đỗ-vĩnh-An).

18. — **Nguyễn-trọng-Đạt**, người làng Mạo Phố, huyện Sơn-vi, tỉnh Sơn-tây. Năm 25 tuổi đỗ tam giáp khoa 1499. Mới đầu làm đề-hình giám-sát đô-ngự-sự. Tháng 12 năm bính dần 1506 thi thư toán, ông làm giám khảo. *Khâm-định Việt sử* (q. 25, tờ 22 b) chép: « Năm Đoan-khánh thứ hai 1506, vua Lê Uy-mục sai Binh-bộ thượng-thư là Nguyễn-quang-Mĩ, Lại-khoa đô-cấp-sự trung là Nguyễn-Tĩnh, giám-sát ngự-sử là Nguyễn-trọng-Đạt xét thi những quân lính và nhân dân đi thi viết và tính ở điện Giảng-vũ. Ứng-thí hơn ba vạn người, lấy bọn Nguyễn tử-Cơ 1519 người, chọn người giỏi được 144 người, lúc phúc khảo lấy 25 người đỗ, sung vào Hoa-văn học-sinh; còn chia ra làm việc các nha-lại trong ngoài ». Trong năm 1511-1513 ông Nguyễn trọng-Đạt làm quan đến thị-lang, phụng mệnh sung chức chánh sứ sang nhà Minh về việc tuế-Cống. Năm 1516 ông đi sứ về, gặp loạn Trần-Cảo, nghẽn đường Lạng-sơn ông không chịu theo Trần-Cảo, tị nạn ở châu Bằng-tường (đất Tàu, giáp Lạng-sơn), rồi mất (*Đăng khoa lục*, q 1, tờ 49 b.— *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 77 b-78 a, chua một câu rằng: Sử chép là Nguyễn-trọng-Quí)

19. — **Nguyễn-như-Thức**, người làng Vĩnh-mộ, huyện Sơn-vi, tỉnh Sơn-tây. Năm 34 tuổi đỗ tam-giáp khoa 1499. Làm quan đến chức tham-chưởng Hàn-lâm viện-sự (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 49 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 78 a).

20. — **Lê-thừa-Hưu**, người làng Đông-ninh, huyện Ngự-thiên, phủ Tiên-hưng, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1499. Năm canh ngọ 1510 đời Hồng-thuận, làm quan Binh-khoa đô-cấp-sự trung, sung chức phó-sứ sang nhà Minh tâu việc; nhưng vì bệnh, xin cáo, vua Lê Tương-dực sai Nguyễn-văn-Xĩ đi thay (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 50a; *Đăng khoa bị khảo*-q Sơn-nam, tờ 88 b; *Khâm-định Việt-sử*, q. 26, tờ 3 a).

21. — **Nguyễn-quý-Nhã**, người làng Đại-vi, huyện Tiên-du, phủ Từ sơn. trấn Kinh-bắc. Năm 34 tuổi đỗ tam giáp khoa 1499. Ứng chế lạc vần, bị truất ra làm tri-huyện Phụ-dực. Năm bính-dần 1506 hiệu Đoan-khánh, vua Lê Uy-mục vời làm Đề-hình giám-sát ngự-sử. Năm quí dậu 1513 hiệu Hồng-thuận, vua Lê Tương-dực sai đi phó-sứ bộ cống. Năm ất-hợi 1515 đi sứ về đến châu Bằng-tường vừa gặp Trần-Cảo làm loạn, cầm quân giữ Lạng-sơn, bị đường nghẽn không về được. Đến năm mậu-dần 1518 mới về đến nước; thăng Đông-các hiệu-thư; năm sau (1519) thăng Đông-các học-sĩ, chưa được bao lâu thăng Lại-bộ tả thị-lang. Mùa xuân năm canh-thìn 1520 thăng đô-ngự sử; mùa đông năm ấy thăng Lại-bộ thượng-thư, vào hầu tòa Kinh-diên. Đến khi Cung-đế lên ngôi (1522) vẫn giữ việc thuyên-bổ. Sau theo Mạc-Đăng-Dung. Sinh ra Nguyễn-hữu-Du, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1538 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 18 a-b; *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 50 a).

(*Xem tiếp trang 17*)

VÌ YÊU CHÂN LÝ

I

Từ ông Phạm Thiều và câu chuyện Nhạc trong thơ đến đâu là sự thật ?

Ngày 15-9-1943, tôi có đến chơi nhà ông Phạm-Thiều. Về tôi viết bài bút ký đã đăng Tri Tân số... ra ngày...

Đọc bài ấy, ai cũng thấy mỹ ý tôi chỉ muốn cho độc giả « biết » ông Phạm Thiều. Sau khi bài ấy ra, tôi có gặp ông Lê ngọc Trụ. Lê quân bảo tôi rằng:

— Ông Thiều có nhiều « cái hay » quá mà ông cứ giấu bọn mình. Anh rán đến chơi ông ấy để thuật lại cho anh em nghe với.

Nhân dịp Tết Giáp-thân, tôi có tự lực xuất bản quyển *Xuân phong văn tập*, trong đó có đoạn trích văn của ông Phạm Thiều. Bài ấy không có ký tên tôi. Và tên Phạm-Thiều, tôi chỉ viết tắt P. T. Làm thế, tôi không cố ý yểm tài ông Phạm Thiều, mà vì lúc trước, sau khi bài bút ký kia xuất hiện ở Tri Tân, nghe rằng Phạm-quân có lời phiền tôi, hình như Phạm quân không thích ai nói đến mình, nhất sinh ông không thích ai khen ông.

Trong *Xuân phong văn tập*, những chỗ trích văn của Phạm-quân, tôi đều cho vào *hai dấu ngoặc nhỏ* (« ... »).

Như thế, không ai có thể lầm lẫn văn Phạm quân với văn tôi được. Hơn nữa, xin nhắc lại rằng bài ấy không có ký tên tôi hay biệt hiệu chi hết.

Thế mà báo *Thanh Niên* số 26 ra ngày 26-2-1944, nơi trang 7 cột thứ tư, có một đoạn văn cố làm cho độc giả hiểu lầm rằng tôi đánh cắp văn ông Thiều để đăng vào *Tri Tân* và *Xuân phong văn tập* rồi ký tên mình.

Người viết đoạn văn vô lý ấy lại muốn ông Phạm Thiều phải xua tôi mỗi khi tôi đến nhà ông chơi.

Tôi không tin rằng ông Thiều có nhúng tay vào việc ấy. Vì trước ngày 15-9-1943 chính Phạm quân đến nhà tôi thăm tôi trước và có nhiều lần mời tôi đến nhà ông chơi, nên hôm 15-9-1943 tôi mới dám đường đột theo người nhà ông vào nhà ông.

Hôm ấy, chính tay Phạm quân lục trong tủ lấy đưa cho tôi bài diễn thuyết « Dư âm Đồ Chiểu » của ông. Đưa cho tôi, ông vui vẻ nói :

— Tới đưa anh xem, để có chỗ nào không được anh phê bình...

Tôi đáp :

— Được ông cho xem là vạn hạnh. Chuyện phê bình tôi đâu dám. Vả lại, tôi chỉ đáng làm học trò ông mà thôi!

Thế rồi, ông nói chuyện thơ ca cho tôi nghe. Không có lúc nào lỗ tai tôi được nghỉ lâu, để mắt tôi có thể xem bài diễn thuyết chưa đọc lần nào của ông. Khi từ tạ ông ra về, một là tiếc bài văn hay chưa được đọc, hai là thủ lễ với một bực đàn anh đã có nhã ý cho mình xem bài diễn thuyết còn « trinh » tôi có lời mượn ông đem về xem. Lúc viết bài bút ký cho *Tri Tân*, sẵn có văn ông ở bàn viết, tôi muốn giới thiệu sốt dẻo với độc giả, ít đoạn trong bài diễn thuyết giá-trị của ông, nên cho văn ông vào *hai giấu ngoặc nhỏ* theo phép trích văn từ xưa đến nay. Tôi không tin rằng làm thế mà còn không được vừa lòng ông Phạm Thiều là người học-giả xưa nay nổi tiếng, ít chịu ai khen mình. Có lẽ báo *Thanh Niên* nghe lỏm câu chuyện với người nhà ông Thiều một cách thất thố rồi vẽ ra cho to chuyện để công kích tôi đó thôi.

***

Báo ấy, trong nhiều số liên tiếp, lại có làm đoạn văn « phê bình » (!) các sách của tôi xuất bản gần đây. Nếu lời phê bình vô tư, xác đáng, tôi cám ơn. Bằng trái lại, tôi tin ở sự sáng suốt của độc-giả.

Nhưng có điều này, tôi thấy khó thể im lặng được :

Báo *Thanh niên* số 28 ra ngày 11-3-1944, nơi trang 9, có bài của ông Hằng-Ngôn mạt sát tôi. Ông mạt sát tôi vì tôi đã đánh

(Xem tiếp trang 8)

MỘT QUYỂN SỬ TÀU MỚI

Ứng-hòa NGUYỄN-VAN-TỐ

Ông Phan-Khoảng mới ra một quyển *Trung-quốc sử-lược*, in khổ giấy một bề 12 phân tây và một bề 18 phân, được 450 trang, do nhà in Mai-lĩnh xuất-bản.

Lời văn giản-dị, dùng chữ thường thường ai nghe cũng hiểu, thật là đúng lối văn chép sử. Duy có vài đoạn, hình như bắt-chước sử Tàu; như trang 79, có câu: « Sai tướng Bác-Đức, Dương-Bộc *bình* nước Nam-Việt », đến trang 231 lại có câu: « ... *bình* An-nam ». Hai chữ « bình » ở hai câu ấy, không nên dùng, vì « bình » có nghĩa là « dẹp yên », người Tàu chép khoe với nhau, chứ chưa chắc đã là thật; cứ sự thực mà không thiên bên nào, thì nên dùng chữ « đánh » mới phải. Còn chữ « An-nam » cũng không nên dùng, vì hai chữ ấy là người Tàu nói dẹp yên được nước Nam: trong khi Bắc-thuộc, nước ta không có chủ-quyền, nên phải chịu như vậy; về sau ta tự-chủ được thì gọi là « Đại-Việt », « Việt-nam »; từ đời minh-Mạng đến nay, ta đã có tên hiệu là « Đại-nam », việc gì lại dùng chữ « An-nam » là chữ họ khinh-miệt mình? Đến trang 233, lại có câu: « Bấy giờ con cháu nhà Trần là Giản-định-đế, Trần-Qui Khoáng nổi lên mưu việc khôi-phục, nhưng rồi cũng bị Trương-Phụ dẹp tan cả ». Chữ « dẹp » ở câu ấy cũng không nên dùng. Thiết tưởng người mình, chép sử Nam hay sử Tàu, phải giữ lấy bản-lĩnh là người Nam, chớ nên bắt-chước người Tàu quá. Ấy chính Lê Tắc là người Nam, đầu hàng bên Tàu về đời Nguyên, khi ở Tàu có viết quyển *An-nam chí-lược* chép đến đời bà Trưng cho là « giặc », thành ra bia miệng nghìn năm!

Ta vì nhiễm văn-hóa Tàu đã sâu, nên nhiều chữ dùng theo Tàu đến trái nghĩa mà vẫn không để ý đến, như Sử chữ nho của ta thường cho từ đời Vũ-đế nhà Hán (111 trước T.-C.) đến đời mười hai Sứ-quân của ta (966-967 sau T.-C.) là « nội-thuộc ». Chính ra chữ « nội thuộc » là chữ dùng trong sử Tàu mới phải, vì nước Tàu tự nhận là « nội-địa » là « Trung-quốc », còn như Việt-Sử của ta, nên chữa làm « Bắc thuộc », mới đúng.

Trong quyển *Sử-lược* này không những là ông Phan-Khoảng theo giọng Tàu nhiều quá, lại còn một vài chỗ nhầm nữa, thí-dụ trang 9, ông nói nước Tàu « chia làm hai mươi tám tỉnh », nhưng đến chỗ Đông-tam-tỉnh với Nhiệt-hà (Jehol), mất năm 1931-1932, đáng lẽ ông phải chua là không thuộc Tàu nữa, thì độc-giả mới khỏi phẩm. Đời Phục-hi, theo lịch tây là năm 2953 trước T.-C (xem Henri Cordier, *Histoire générale de la Chine*, q. I. t. 75), mà trang 15 ông lại chép vào năm 4480 trước T.-C. Vẫn biết rằng về niên-biểu mấy đời thượng-cổ, các nhà khảo-cứu người Tàu và người Tây đã chia ra làm hai lối (xem J. Escarra, *La Chine, passé et présent*, trang 34) nhưng phải chua rõ, kẻo người ta ngờ là tính sai.

Trang 231, ông chép « Trịnh-Hòa lĩnh 37.000 hải quân... trải qua hơn 40 nước ». Xem chuyện hoạn-quan ở *Minh-sử* (q. 304, tờ 1 b 2 a) thì năm thứ ba hiệu Vĩnh-lạc (1406), Minh Thành-tổ sai Trịnh-Hòa đem hai vạn bảy nghìn tám trăm sĩ tốt, và đem

Sách mới

TRUYỆN DỊ THƯỜNG
(Histoires extraordinaires)
của Edgar Poë
Bản dịch của Mộng Huyền
Giá 4$50

TÌM NGHĨA VĂN HỌC
của NG. HƯNG PHAN
Giá 2$20

TRIẾT HỌC ARISTOTE
của NG. ANH NGHĨA
Giá 3$80

LY TAO
của KHUẤT NGUYÊN
Giá 6$00
Bản dịch của Nhượng Tống
Sắp có bán

Chính Trị Đại Cương
của NG. PHƯƠNG NAM
NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
29, Lamblot — Hanoi

tiện của để động thuyền lớn sang Tây-dương. Thế là ông Phan-Khoảng chép nhầm số hai làm số ba mà lại thiếu cả năm nữa. Đến đoạn cuối cùng trong chuyện Trịnh-Hòa có chép rằng: Trịnh-Hòa thờ ba triều vua, trước sau bảy lần đi sứ, đi qua những nước Chiêm-thành, Chân-lập, Cựu-cảng... cộng hơn ba mươi nước. Thế mà ông Phan-Khoảng chép hơn 40 nước!

Trang 271, ông viết một câu rằng: « Đời Tống đã chế đồ gốm đồ sành, đến đời Minh thì nghề ấy đã tinh lắm »! Ai đọc câu ấy cũng cho là ông nói đời Tống bắt đầu chế đồ gốm đồ sành, đến đời Minh mới tinh-xảo. *Sử-ký* Tư Mã-Thiên (q. 1, tờ 2 b) và *Thông-giám tập lãm* (q. 1, tờ 15 b) chép rằng: Năm thứ 60 đời vua Nghiêu (2298 tr. T. C.) Đế Thuấn bấy giờ hai mươi tuổi, đi cày ở Lịch-sơn, thì người ta nhường bờ; đánh cá ở Lôi-trạch, thì người ta nhường chỗ ở; nung đồ gốm ở Hà-tân, thì không cái nào méo xấu...» Thế là đồ gốm đồ sành đã có từ mấy nghìn năm trước, chứ phải đến đời Tống (960-1276) mới có. Ấy là chưa nói đến những đồ gốm đào được ở Cam túc, ở Hà-nam bên Tàu, hiện bầy ở viện Bảo tàng trường Bác-cổ, mà các nhà khảo-cổ cho là đồ « tiền-sử » (xem R. Grousset, *Histoire de l'Extrême-Orient*, q. I, t. 176-177).

Trang 272, ông Phan Khoảng nói: « Không biết trong xe có dùng kim chỉ-nam không ». Nguyên sách Tàu có một đoạn chép xe chỉ nam như sau này: (ông Phan-Khoảng đã dịch ra quốc-ngữ): « Hoàng-đế đánh nhau với Suy-Vưu ở đồng Trác-lộc, Suy-Vưu làm sương-mù lớn, quân sĩ tối tăm, Hoàng-đế làm ra xe chỉ-nam, để nhận rõ bốn phương... » Còn một đoạn nữa chép: « Sứ Việt-thường sang nhà Chu, dâng bạch-trĩ, khi trở về, sứ-giả quên đường. Chu-công cho năm cỗ biền-xa (xe có điềm) đều làm cách thức chỉ-nam. . . » Dưới chữ « chỉ-nam » Sử tàu (*Thông giám tập lãm* q. 1 tờ 5 a) dẫn lời Trần-Ân chú thích rằng: « trên xe dùng kim địa-bàn tý ngọ, để nhận rõ bốn phương, gọi là chỉ nam ». Vì kim tý ngọ bao giờ cũng một đầu phía bắc (tức tý), một đầu phía nam (tức ngọ), người ta để đầu nhọn về phía nam, nên gọi chỉ nam. Cứ như thế, là trên xe có kim chỉ-nam.

Trang 402, ông kể những tên sách về đời Khang-hi, như *Khang-hi tự điển*, v. v. Ông bỏ xót không nói đến bộ *Bội văn vận-phủ* là một pho từ-điển cũng soạn về đời Khang hy. Sách của ông là *sử-lược*, đáng lẽ tôi không nói chỗ thiếu ấy, nhưng bộ từ-điển này là bộ to nhất, nên tôi nhắc qua.

Giá sau này ông sẽ in lại, thì ở cuối chương có « thế bệ » các nhà vua, nên thêm niên-biểu của Tây, để tiện cho người xem, thì dụ trang 12 Hạ vũ dẫn vua 8 năm, nên chua thêm: từ 2205 đến 2198 trước T.-C.; v. v.

Những câu như câu in ở trang 64 cũng nên chữa lại. Câu ấy như thế này: « Người tối cổ đói ăn, khát uống, cách sinh-hoạt có lẽ không khác chi cầm-thú mấy. Về sau, các bậc tiên-tri, tiên-giác bầy ra đồ mặc, thức ăn, chỗ ở, v. v... và dần dần đưa quần-chúng từ nghề săn bắn, đánh cá, qua nghề nuôi súc-vật, cho đến nghề cầy cấy ». Những câu như thế không riêng gì nước Tàu: nước nào cũng thế; hai chữ « tiên-tri » « tiên-giác » chưa chắc đã đúng. Cả đến những địa đồ từng đời một, như địa-đồ nước Tàu đời Chu, đời Hán, v. v. người Tàu người Tây đã in ra nhiều quyển trông dễ hiểu, nên bắt-chước họ làm kỹ hơn một chút, thì quyển *Sử-lược* này sẽ tăng giá-trị; cứ như, bây giờ cũng đã có ích.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Un livre indispensable aux candidats :

CENT RÉDACTIONS AU CERTIFICAT

Par MM. Trần-Huy Cơ et Nguyễn-Huy Hoàng Instituteurs

Nouvelle édition (adoptée)

Prix 1$50-Port 0$12 Recommandé : 0$12

Prière d'envoyer les timbres postes à la librairie

Đông Tây 195, rue du coton Hanoi

biên dịch của Stefan Zweig một cuốn sách về *Học thuyết Freud*, trong khi nghe đâu có *người* cũng đã viết xong một cuốn về học-thuyết ấy và đã giao cho nhà xuất bản rồi. Chẳng hiểu sao nhà xuất bản lại in tác phẩm của tôi trước. Ấy thế là có bài mạt-sát tôi trong số báo *Thanh-niên* kia. Trong bài ấy, tác-giả hẳn học bảo sách của tôi là một « thứ chướng khí hôi tanh » và hỏi: « Tại sao người ta không dịch sách của Montaigne, Taine? Mà lại luận về Einstein, Freud? »

Vâng, tại sao tôi lại dại dột nói về Freud mà hình như *có người* cũng đã viết thành một quyển sách chưa in? Tôi mong rằng quyển sách khác về Freud ấy sớm được ra đời để độc-giả vất cuốn « *Học thuyết Freud* » do tôi biên dịch của văn bảo Zweig vào sọt rác!

Và xin ông Hằng-Ngôn đừng bắt độc-giả phải tin rằng mỗi buổi chiều ông « thắng đốt hương cầu nguyện cho làng văn miền Nam nước Việt tân bộ ».

***

Trước khi dừng bút, tôi lại xin ông P. T. ở báo *Thanh nghị* đừng quá hàm hồ. Ông ấy có bài phê bình cuốn *Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam* của tôi (T. N. số ra 55 ngày 26-2-1944), lấy câu « *Tôi xin khuyên các ngài tân học: các ngài tân học ôi!..* » của ông Nguyễn bá Trác mà tôi trích trong tác phẩm tôi cho là câu văn của tôi để mạt sát tôi, bảo rằng văn tôi « kêu phồng như ở nhà hát.. cục súc và buồn cười »

***

Người ta đối với tôi một cách vô lý như thế. Tôi thấy không cần tìm hiểu nguyên nhân. Vì nguyên nhân ấy lẽ tất nhiên là không được đẹp cho lắm!

Có nhiều bạn quen khuyên tôi nên im lặng là hơn. Nhưng sự thật bao giờ cũng phải đưa ra ánh sáng dư luận. Tôi không trả lời cũng không ham bút chiến lôi thôi, tôi chỉ yêu chân lý.

KIỀU THANH QUẾ

II

Về quyển Cuộc tiến hóa văn-học Việt-nam của Kiều Thanh-Quế.

Báo Thanh Niên số 29 ra ngày 25-3-44 có trích lời tôi trong Đại Việt tạp chí và viết như vầy:

« ...Còn Kiều Thanh-Quế, tuy được Ô. Ngọc Nhơn (Đại Việt tạp chí ngày 1-2-44) bảo rằng quyển « Cuộc tiến hóa văn học Việt-Nam *là giai phẩm của văn đàn* » miền Nam nước Việt trong năm rồi, song mới đây cũng « được » bạn Linh-Chi bắt gặp họ Kiều « đặt tuồng bụng và dốt hay nói chữ » chính ngay trong cuốn « *Cuộc tiến hóa văn học Việt-Nam* », cuốn mà ô. P. T. (Thanh nghị, ngày 26-2-44) cho rằng « nói tới... cũng đã có hảo ý rồi » vì đáng lẽ phải để vùi trong tối tăm ».

Chủ ý của báo *Thanh-Niên* là muốn trưng ra hai cái cực-đoan: tôi bảo là giai phẩm còn ông Linh-Chi, chủ bút của báo ấy, bảo là một quyển sách tồi, để chỉ cho độc-giả mình thấy cái thông minh của ông Linh-chi.

Ông Linh Chi thông minh hay không thì tôi không biết nhưng tôi thấy rằng nếu ông muốn mạt sát người ta như ông đã mạt sát ông Kiều Thanh Quế « *đặt tuồng bụng* » v. v. thì ông cần phải về nhà đóng cửa đọc sách trong năm mười năm

Hai quyển sách mới trong « Tủ sách xã-hội » Tân Việt

Đã có bán

CHÍNH TRỊ ĐẠI CƯƠNG

của NGUYỄN PHƯƠNG NAM *Giá 3$70*

— phân tích rõ ràng các phương pháp tổ chức chính trị — giải thích và bình luận những vấn đề thiết yếu trong chính trị học hiện đại — trình bày giản dị những cơ tính thể đã thực hiện và những đường đi của hiến pháp

Đang in: CHỦ-GHĨA TAM DÂN

Ở Hanoi sách chỉ bán lại

TÂN-VIỆT, 29, LAMBLOT — HANOI

Sắp phát hành

VƯƠNG DƯƠNG MINH

của PHAN VĂN HÙM

— Một quyển sách quý trong « Tủ sách triết học » Tân Việt — Một tác phẩm khảo về thân thế và học thuyết Vương dương Minh mà ta có thể tự phụ rằng từ xưa đến nay khắp thế giới chưa có quyển nào được rành mạch hơn.

Sách dày ngót 600 trang — có 3 bức địa đồ và 10 000 chữ Hán — Bìa litho 5 màu. (Vì giấy khan nên chỉ in có 500 quyển)

nữa họa may mới có người tin lời ông.

Đây là một đoạn mà ông Linh-Chi đắc ý nhứt và nhắc đi nhắc lại hai kỳ báo:

Ông K. T. Quế viết: « *Người ta là một tiểu vũ-trụ (microcosme: âme individuelle) mà tạo hóa là một đại vũ-trụ (macrocosme: âme universelle).* Ông Linh-Chi loay hoay hàng giờ để chỉ hỏi được một câu: « Sách tự điển nào mà bảo Macrocosme là âme universelle và Microcosme là âme individuelle? Larousse hay Littré? » Thì ra ông có đọc qua hai quyển tự điển Larousse và Littré và nhứt định không biết gì hơn nữa! Chẳng thế mà ông lại vui mừng rần rộ như Archimède và tuyên bố rầm lên: « Đây cũng là *đặt tuồng bụng* nữa! »

Tôi thì tôi thú thật rằng tôi học rất ít và đọc càng ít hơn nữa, nhưng tôi cũng, có thể hiểu được ý ông Kiều Thanh-Quế. Tôi xin giải bày sự hiểu biết ấy ra sau đây:

Người là một tiểu vũ trụ — phản ảnh của đại vũ-trụ.

Theo *Marcel Granet*, tác-giả quyển *Tinh-thần Trung hoa* (La mentalité chinoise), đại vũ-trụ gồm có *trời* hình tròn, *đất* hình chữ nhựt và *vua* hình trục tròn là kẻ nối liền *trời* và *đất*, là kẻ đại biểu của loài người (Đó cũng là thuyết tam tài: trời, đất, người của Trung quốc), con người cũng có đầu tròn, chân hình chữ nhựt, mình bình trục tròn, quả là phản ảnh của đại vũ-trụ (Macrocosme) quả là tiểu vũ-trụ (Microcosme).

Hay nói theo *Epitète*: « *Vũ-trụ là linh hồn lớn, người là linh hồn nhỏ* trong linh hồn lớn tách ra »

Tôi không bảo ông Kiều thanh Quế đúng nhưng ông không « đặt tuồng bụng » như ông Linh-Chi *thấy đâu nói đó*.

Về Ông P. T. bên báo *Thanh-Nghị*, tôi thấy hãy còn « chưa chín ». Ông bảo: « Câu văn cục súc và buồn cười: *Tôi xin khuyên các ngài tân học: các ngài tân học ơi!...* » Câu văn *như tiếng kêu làng nước* ấy là của Nguyễn-bá-Trác tiên sinh, mà ông Kiều Thanh Quế chỉ là người trích nó mà thôi!

Cũng trên báo *Thanh Niên*, ông Hằng Ngôn bảo rằng ông K. T. Quế « *gom góp những bài của văn-sĩ Nam-Bắc mà cho ra quyển Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam* ». Ông Hằng-Ngôn tưởng như thế thì thật là sai lầm. Nếu ông Kiều Thanh-Quế lấy cắp bài của người khác thì khắp Trung Nam Bắc há lại chẳng có một độc-giả nào sáng suốt như ông Hằng-Ngôn nhận thấy hay sao và tác giả của những bài ấy há lại để cho ông Kiều ở yên hay sao?

Chê hay khen ấy là quyền của người đọc, nhưng chê một cách chánh đáng và khen một cách hữu lý thì cái quyền ấy mới đáng mang danh là của một độc-thư quân tử.

Tôi đã toan không để ý đến lời nói của ông Linh-Chi và báo Thanh-Niên, nhưng thấy rằng trong Nam, một tờ báo có cái thể-tài đáng ngợi như Thanh Niên lại đi *thấy đâu nói đó* một cách không suy nghĩ như thế cũng là một sự phí, nên có mấy hàng nầy mong báo ấy nên đứng dắn tí nữa.

NGỌC NHƠN (Saigon)

Dấu vết lịch sử một đời

QUANG TRUNG

(1788 — 1792)

chỉ còn lại trong những vật tư-gia kỷ niệm như một vài đạo sắc, một vài đồng tiền, ngoài cái Đống-đa ở Thái-hà ấp.

***

Các bạn muốn xem cái ấn do vua Quang-Trung phong hầu cho nhà văn-học kiêm ngoại giao Phan-huy-Ích?

Các bạn muốn biết hịch văn đời vua Quang-Trung về việc phù Lê diệt Trịnh?

Các bạn muốn rõ những sử thực về vua Quang-Trung chưa ai nói đến bằng quốc văn?

Xin tìm mua cho kỳ được cuốn:

QUANG TRUNG của Hoa-Bằng

GIÁ: 5$00 — Cước phí: 0$50

Hiện đã có bán khắp các hiệu sách

Ngân phiếu đề: ô. Ng. tường Phượng
95-97 Chanceaulme Hanoi

TỪ VĂN CHƯƠNG ĐẾN VIỆC XÃ HỘI

TIÊN-ĐÀM *thuật*

Từ trước đến nay, ta cứ tưởng Hàn-lâm viện nước Pháp chỉ chú trọng treo những giải thưởng về văn - chương. có biết đâu, các ngài « bất tử » lại để tâm đến cả việc xã-hội.

Để khuyến khích những người đã hết lòng với nhân-tâm thế-đạo, hằng năm viện Hàn - lâm có đặt ra một giải thưởng gọi là : *Phần thưởng Montyon* (do tên nhà từ-thiện đã bỏ tiền riêng ra treo thưởng).

Phần thưởng này là một số tiền vài nghìn quan, mỗi năm phát cho tất cả những người không phân biệt giai-cấp đã có công giúp ích cho xã hội treo gương sáng về luân-lý, mỗi trường hợp đều có tờ trình riêng do các ông Hàn, hay danh nhân đương thời thảo trình kể công trạng và tường thuật công việc của người được thưởng đã làm. Mỗi khi phát thưởng, viện lại họp một buổi công-khai rất long trọng.

Dưới đây, tôi xin trích và lược dịch vài chuyện ở tờ trình (1) đã in ra để độc giả nhân-tâm và để nhắc cho ai ai cũng nhớ rằng về phương diện xã hội hay Luân lý lúc nào ta cũng cần phải giúp đỡ lẫn nhau, nhất là trong lúc này là bể năm châu, bốn bể, đang chìm đắm trong trận mưa gang bão thép, tàn sát lẫn nhau, để tranh lấy quyền lợi mà quên mất luân lý.

I — Cô thợ nhịn đói

Cô Louise Germain, 37 tuổi, làm thợ trong nhà máy đăng ten tỉnh Dieppe, nhà chỉ có một mình với một mẹ già. Mẹ cô chỉ trông vào cô, nên cô phải từ hôn, ở vậy nuôi mẹ ; lúc nào cô cũng săn sóc, chăm nom nên mẹ già không thiếu thốn một thứ gì.

Gia đình tuy chỉ có một mẹ một con ấy, sống thật đã vất-vả. Bà mẹ đã 76 tuổi, đau ốm nằm liệt một nơi lúc nào cũng rên-rỉ, nhất là ban đêm, nằm trên giường giặt rải rơm mà cả nhà chỉ có một cái giường thôi. Mặc dầu thế, gian nhà hẹp ấy lúc nào cũng sạch sẽ, vui vẻ. Cô Germain tuy ăn mặc quần áo vá mà lúc nào cũng diêm dúa, ra đường vẫn tề chỉnh, người ngoài không ai biết nhà cô đã bần bách quá vậy. Cô lại không bao giờ hé môi phàn nàn và nhờ ai giúp đỡ việc gì ; mỗi ngày làm việc luôn 14 tiếng đồng hồ mà lương công nhật có 75 centimes, cả hai mẹ con trông vào số lương ấy cũng tiệm đủ. Bánh ăn có khi có khi không, nhất là gặp những hàng phải giả tiền nhà lại phải tiêu bất thường thì cô Louise Germain nhịn đói để nhường thức ăn cho mẹ.

Một mình làm việc, một mình nhịn ăn để mẹ già khỏi vất vả, thiếu-thốn cậu ngài đã nhận thấy cái phận sự một người con như thế can-đảm đến bực nào !

(G. Boissier 1887)

II — Cậu con giai đáng làm gương

Còn gì đáng khen bằng cách hành vi của cậu Martin Luquet ? Cậu quê ở Estoublon, một làng hẻo lánh trong, dẫy núi Alpes. Người cậu yếu đuối, nhưng từ khi nhớn lên cho đến năm 26 tuổi lúc nào cũng hết sức làm việc để nuôi cha mẹ vì nhà nghèo lắm.

Cậu sắp sửa cưới vợ, ra ở riêng, thì cha cậu qua đời, cậu phải thôi việc lấy vợ để ở vậy nuôi mẹ. Rồi, trong mấy mươi năm rồng, cậu đã làm cho gia-đình qua cơn túng thiếu ; nhưng được 8 năm, bà mẹ bị tê liệt, tình trạng rất khốn-đốn và cậu luôn luôn phải quanh bên giường bệnh để săn sóc.

Đã đau yếu hay bực mình, mẹ cậu lại sinh ra gắt gỏng, nhưng cậu vẫn im lặng làm việc, nuôi mẹ, chỉ thỉnh - thoảng rời khỏi giường bệnh để đi nhặt củi khô, hay ra ao giặt rũ vài cái áo quần đã rách của mẹ.

Ngày nay mẹ già cậu đã 84 tuổi mà cậu đã 41. Trong một túp lều siêu xẹo, bốn bề gió tập, mưa sa, mùa đông đến không đủ củi lửa sưởi ấm, thế mà ngày đêm cậu không rời khỏi mẹ già, có khi quên cả ăn, ngủ, thân thể bao mòn nhưng không bao giờ nản chí và sao nhãng phận-sự.

Một điều nữa đáng chú ý : Cậu không hề nhờ ai giúp việc mình và rất khiêm-tốn trước những nhời bạn khen của hàng xóm vì cậu cho đó là bổn phận mình.

Cậu Luquet có cái đặc-điểm là ai ai cũng phải mến-phục, vì thế trong đơn của người ái-mộ cậu gửi lên viện Hàn-lâm hôm nay, tôi (nhời ông Hàn) đã thấy cậu này

chắc các ngài cũng vui lòng khi đọc đến : « Ở trong xóm làng, dù là kẻ xấu bụng đến đâu cũng phải khen cậu là người hiếu thảo. »

(F. Coppée — 1893)

III Cô nội trợ 13 tuổi

Làng Rabais có độ tám, chín nóc nhà là một làng nhỏ tổng Pléneut, xứ Bretagne. Joseph Boishardy là thợ nề sống với gia-đình một vợ và 7 con, cả nhà chín miệng ăn mà chỉ trông vào lương công nhật 1 quan 75 của người cha, thật là vất-vả, nhưng lần hồi hai vợ chồng làm cũng đủ ăn.

Một ngày, vợ phàn-nàn không có việc làm, rồi kế bị ốm, trong nhà bắt đầu sinh ra túng thiếu, rồi năm 1898, người vợ chết để lại 7 con. Cô gái nhớn 20 tuổi đã đi làm mướn được, nhưng còn các đứa nhỏ thì sao ? người đàn ông góa vợ thì sao ? Vì ngoài việc làm, người cha phải gặp cảnh gà sống nuôi con, như thế gia đình sẽ nguy ngập đến nơi ! Nhưng không, một cô gái đã đứng ra đảm nhận các công việc : Cô Félicité Boisardy.

Cô đã sớm hiểu trong nhà cần phải có người cáng đáng việc nội trợ, một người vừa giúp cha, vừa săn sóc các em, cô là người ấy vậy.

Ngay từ trong khi bà mẹ lâm bệnh, tuy mới 13 tuổi, lúc nào cô cũng quanh bên giường bệnh. Mẹ lìa trần rồi, cô hết lòng theo gương tần tảo.

Trong đơn ái mộ gửi đến (cho viện Hàn-lâm) những người làng Rabais đã kể cho ta biết : Trong bao năm, cô ấy thức khuya, dậy sớm, cơm nước cho cha đi làm, cho em đi học, dọn dẹp nhà cửa, tối đến giảng bài học cho các em nhỏ, rảnh thì giờ lại đi ra ao giặt thuê, làm đồng mướn kiếm chút ít giúp cha già đã bệnh hoạn.

Rồi lại gặp một người em đi làm mướn ở trại gần đấy bị ốm, cô lại đem về săn sóc vì cô muốn rằng trong gia-đình phải sum họp, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau.

Suy một gia đình này đến gia đình khác ta sẽ thấy gia đình đứng vững được là nhờ tay người nội trợ giỏi mà cô nhỏ này đã treo một tấm gương sáng vậy.

(P. Bourget — 1906)

IV Tình anh em

Hai cậu Emile và Auguste Taschet tuy còn trẻ con mà đã tỏ ra rất xứng đáng cái phần thưởng của viện ban cho.

Khi bà mẹ hấp hối trên giường đẻ ở bệnh-viện, hai cậu mới có 15 và 12 tuổi.

Cha các cậu thì bỏ nhà đi đâu không ai biết lại đem theo cả một người con nhớn.

Nhà-nước thấy tình cảnh như vậy, định nuôi đứa em út, hai cậu nhất định không chịu, giả nhời rằng : « Nếu được nhà-nước nuôi em tôi không lo thiếu thốn, nhưng nó sẽ không được biết sự âu-yếm của gia đình. » Rồi trong một gian buồng nhỏ, hai cậu bé ấy đã thay cha mẹ nuôi em, cho ăn, chỉ mặc, sáng ra khi hai cậu ra xưởng làm thì đưa em gửi ở một viện trông nom trẻ con (như viện Tế-sinh ở bên ta), chiều đến đón em về đi ngủ. Than ôi ! mẹ già dù khuất núi cũng có thể nhắm mắt ngủ yên !, nhưng công việc của hai cậu nào có phải chỉ thế đâu : ba năm sau, người anh đi lang-thang lại tìm về, đói rách, khổ sở, hai cậu Emile và Auguste lại đem anh về cùng ở.

Viện Hàn-lâm chúng ta phải : *đãi hai cậu này vào hàng người nhớn vì dám hỏi đã có mấy người đứng tuổi mà có lượng và nghị lực của hai cậu.*

Một điều đặc-sắc nữa là ông giám-đốc xưởng hai cậu làm *đã đặc cách cho các cậu số lương công nhật đặc biệt để thưởng về hạnh kiểm tốt của hai cậu.*

(Sully-Prodhomme 1888)

V Một vú già

Joèphine Bénéteau vào ở với một gia-đình làm lò rèn, người xứ Vendée đã được ngót 50 năm.

Nhà ấy đông con, mặc dầu vú đã hết lòng trông nom, những các đứa con nhỏ đều lần lượt bị bệnh đau ngực mà chết, rồi người cha cũng chết theo các con.

Cảnh gia đình trở nên vắng vẻ, chỉ còn một người đàn bà góa và một đứa con giai. Nhớn lên, cậu này lại phải nối nghề cha làm thợ rèn để nuôi cả nhà. Cậu đã yếu, lại làm việc khó nhọc, một ngày một xanh xao, gầy cộm. Vú già vẫn hết sức chăm nom, nhưng thấy cậu vất vả quá, vú lại giúp cả cậu làm lò rèn nữa.

Nhưng về sau, cậu yếu quá, chết nốt : thật là thê-thảm !

Trơ lại còn một người mẹ đã buồn lại ốm, vú già mới tìm được nghề chữa ô và dan sọt, rồi ngày ngày, trong các làng miền ấy, người ta thấy tiếng rao hàng của vú trước còn trong trẻo sau khàn-khàn, đó là người đầy tớ trung-thành làm nghề để nuôi chủ.

(*Xem tiếp trang 21*)

Khái-luận và phê-bình thi-ca cũ (VI)

Tuồng hát Việt-nam

Hai cuộc « chinh-phục » của sân khấu Việt-nam. — Tuồng hát Việt-nam và bi-kịch Hy-lạp — Sự hòa hợp đẹp-đẽ của « bi-thiết » và « hùng-tráng ». — Những lời đối-đáp xứng-đáng với bi-kịch Corneille. — Cái sầu Trương-Phi hay là những võ-tướng đa cảm như chàng Curiace nhân-đạo. — « Thành Bình-định cùng nhau ba tử-tiết ».

của HOÀNG-THIẾU-SƠN

Không những thi-ca quan hệ đến lịch-sử, thi nhân còn ấu yếm lịch sử một cách đặc biệt. Lòng yêu lịch-sử đã đem lại cho thi-ca Việt-nam những tuồng-hát mà phần nhiều đầu đề đều mượn ở Bắc-sử hay Nam-sử.

Gốc tích tuồng hát Việt-Nam đã có vẻ hùng-tráng khác thường. Vì tuồng-hát sinh sôi nảy-nở trên đất này chính ngay sau hai vũ-công oanh-liệt của dân tộc ta.

Dưới triều Lý, một bọn đạo-sĩ nhà Tống sang Nam truyền cho người Nam lối đóng trò về mặt đùa cợt gọi là *Phấn-hi*. Lối này đem pha với lối đóng trò có sẵn của ta từ Đinh, Lê làm thành lối hát tuồng (1).

Năm 1044, sau khi dẹp được kinh-đô Phật-thệ của Chiêm thành, Lý Thái-Tông bắt các cung-nữ giỏi nghề ca múa khúc điệu Tây-thiên đem về Thăng-long, lại phiên-dịch nhạc-khúc của Chàm, để sửa đổi lối hát của ta.

Năm 1285, sau trận phá Nguyên Tây-kết, quân Nam bắt được một kép hát Tàu tên là Lý-nguyên-Cát. Khi đại định, Lý bị giữ lại Thăng-long để lập một gánh hát làm trò mua vui cho vua tôi Nam-việt.

Nghề hát của ta đã nhờ hai cuộc « chinh-phục » ấy mà trở nên hoàn-toàn đầy đủ.

Tuy thế, các nhà soạn kịch Việt-nam đã khéo điều hòa hai nguồn ảnh hưởng Hoa, Chiêm ấy theo tinh thần Việt-nam, nên văn-chương tuồng hát là một lối văn-chương Việt-nam đặc biệt.

Đạm-Phương nữ-sử phê-bình lối hát tuồng đã nói rằng :

« Tuồng hát có khi vì cổ phong phần nhiều dùng những ca-dao, ngạn-ngữ, thơ hay văn cũ, tiếng trợ-ngữ, câu thành-ngữ rất nhiều, lại tiếng nói thông đủ trong ba kỳ, thật là một áng văn-chương rất quý-hoa » (2).

Những bản tuồng hát xuất hiện nhiều hơn hết dưới triều hai vua Thiệu-Trị và Tự-Đức, nhưng các nhà soạn kịch chỉ xem tác-phẩm của họ như một trò giải-trí phần nhiều đưa cả nguyên bản cho phường trẻ làm thất lạc đi rất nhiều nên trong sọ luồng hát, hiện chỉ còn rất ít bản.

***

Vì đầu đề của tuồng hát phần nhiều mượn ở lịch-sử, vì mục đích tuồng hát là làm sống dậy những công nghiệp phi-thường của những kẻ đã để tên lại trong lịch-sử, nên tuồng hát Việt-nam có tính-cách hùng tráng đặc biệt, gần bi kịch Hy-lạp hơn là bi-kịch Pháp.

Cũng như bi-kịch Hy-lạp, tuồng hát Việt-nam câu ngâm, cảm hát nhiều hơn câu nói ; lại có lối hát cùng nhiều người một lúc như những « *chœur* » trong tuồng Hy-lạp. Những điệu hát thì nhiều điệu trang trọng, quý phái như điệu « bạch » dùng riêng cho các vai vua chúa, thánh-thần :

Riêng cõi non bồng một cảnh tiên,
Hoa quanh nước quẩn, vẻ thiên nhiên.
Ba nghìn thế giới ta là chủ,
Mây gió đi về chốn cửu thiên (3)

Khẳng khái như những điệu hát khách, để tỏ cái khí anh-hào

Trâu ngựa chín thân kèn,
Tâm thước mày râu đành thện mặt
Tiên rồng chung lống tốt,
Một nhà sơn phấn rạng treo gương, (4)

Cấp sức như điệu đầu-mã để thuật những việc phi thường

Đêm hôm 5 mai 1944

Thành phố Saigon bị ném bom lần thứ nhất

LỜI CHIA BUỒN CỦA TRI TÂN

Đêm hôm mồng 5 rạng mồng 6 tháng 5 tây 1944, nhiều lớp máy bay Hoa Mỹ đã ném bom xuống các khu đông dân cư: 200 người bị tử nạn và 356 người bị thương, trong số đó có nhiều đàn bà và con trẻ. Nhà hát lớn Saigon cũng bị một quả bom rơi trúng phá tan bên trong.

***

Sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh đã ghi một trang lịch sử đau thương của thủ đô xứ Nam kỳ. Biết bao gia đình vô tội đã phải chìm đắm trong vũng lệ.

Trước cái tang chung buồn thảm của đồng bào trong Nam, Tri Tân tạp chí xin kính viếng cả: oan hồn và chia buồn cùng các tang quyến.

TRI TÂN TẠP CHÍ

Chúng tôi ở Qui-nhơn, chạy về đây báo trước, Tòng-chu đã ngưỡng được, Võ-Tánh cũng tự phần, thêm một gã tướng-chân, cũng nhảy vào lửa đỏ, cô-quân nan cố-thủ, tặc tướng đã nhập thành. (5)

Bi tráng lâm-ly như những lời văn, thán để khóc những mối đau thương

— Chân thống thiết, chân thống-thiết tối bi lân, tối bi-lận, thiên đoạt ngã huân-thần, địa mai ngô thạc-phụ!

Đầy thanh xương trắng, một tấm lòng đan, giúp ta nên nghiệp gian nan, thương kẻ hết lòng ưu ái. (5)

Thêm vào bao nhiêu điệu hùng hồn, thỉnh thoảng tiếng trống chầu làm cho tuồng-hát đầy tráng khí, tiêu biểu cho một linh-hồn mạnh-mẽ.

***

Những lời nói, những lời đối đáp, lắm lời có một vẻ đẹp chắc chắn, lý-luận chặt-chẽ, hùng-biện vô-song như lời khuyên hăng-hái cấp tức, tha thiết, của Bùi-thị-Xuân thẳng nỗ đó-dự của nhà vua sắp bỏ cơ đồ mà chạy loạn:

— Lịch-sử dẫn rằng hữu tại, cơ đồ cũng phải nên lo; quân ba nghìn Câu Tiễn cũng vong Ngô, chúng nhất lữ Thiên-Khánh cời phục Hạ.

Đừng đem lòng buồn bã, mà người chí anh-hùng; Vợ đành giả nghĩa cho chồng, vua phải liều mình với nước; Đánh một trận dẫu là không được, tiếng trăm năm còn để về sau; có lẽ đâu cam chịu để đầu, đành dã thác lại thêm bia miệng (5)

(Còn nữa)

HOÀNG-THIỀU SƯ

Thứ năm sau nhằm ngày lễ Ascension nhà in Tri-Tân nghỉ nên số 143 sẽ ra ngày 25 Mai 1944.

Xin trình độc giả rõ và nhượng thứ.

TRI-TÂN

---

(1) Nguyễn-đổng-Chi: Cổ văn học sử trang 365-367.

(2) Đạm Phương nữ sử: Khảo về tuồng hát Annam (Nam Phong số 76).

(3) Nguyễn hữu-Tiến: Đông-A song phụng.

(4) Nguyễn hữu-Tiến: Thà thống nợ nước.

(5) Hoàng-cao-Khải: Tượng kỳ khí xa.

Muốn mua các sách chữ nho, chữ nôm thuộc các loại như sử-ký, văn-học, địa dư... của ta với một giá đặc biệt!

Hỏi tại: tòa báo Tri-Tân

BÀN GÓP VỀ NGUỒN-GỐC TIẾNG VIỆT NGỮ

Số 3

ĐÀO-TRỌNG ĐỦ

Bài này đáng lẽ phải viết trước (1). — Những ý-kiến muốn bàn góp với độc-giả về nguồn-gốc tiếng Việt-ngữ, tôi coi như câu truyện, nhàm-đàm, gặp đâu nói đấy, đoạn nào cao-hứng nhất viết trước, nên nhập-đề ngay vào chương « Nho hóa và dân-hóa » rồi tiếp đến « Những chứng-cớ về cỗi-rễ tiếng Việt-nam ». Viết xong lại bài mới thấy có một vài điều nên nói trước. Bài này xin bổ-khuyết vào chỗ đó.

A; — *Một vài từ-ngữ nên phân-biệt.*

Hán-tự và chữ nho. — Hán-tự là một thứ chữ người tàu đặt ra, thông-dụng trong khắp cõi Á-đông, nghĩa nhất-định mà âm không nhất-định. Như chữ « Chim chích mà đậu cành tre, thập trên tứ dưới nhất đè chữ tâm » bao nhiêu dân-tộc đã chịu văn-hóa Trung-quốc đều hiểu là « đạo-đức » cả. Nhưng không dân-tộc nào đọc như dân-tộc nào. Đọc là đức, là chữ nho, là âm riêng của người Việt-nam cho nên ngày xưa ta thường gọi hán-tự là chữ ta. Đọc là tắc là giọng quảng-đông, đọc là tở là giọng Bắc-kinh, đọc là toku là giọng nhật-bản.

Tôi phân-biệt hán-tự và chữ nho như trên này, là cốt để độc-giả để ý đến câu « Chữ Tàu có bốn thanh », mà tôi thường đọc qua trong các bài khảo-cứu về Việt-Ngữ. Câu ấy ý-nghĩa không được rành-mạch cho lắm, vì chữ Tầu có thể đọc được nhiều cách khác nhau. Giọng bắc-kinh có 4 thanh, giọng quảng-đông có 9 thanh; giọng việt-nam có 6 thanh, hoặc có 8 thanh theo ý-kiến ông Nguyễn-triệu-Luật. Đọc sang giọng Nhật-bản, chữ Tàu chỉ còn có một thanh, nghĩa là đọc không khác gì tiếng tây, tiếng anh vậy: đặc-biệt thành ra tokubetsu, đáo đầu thành ra tôtô... Vậy khi ta so-sánh chữ Tầu với chữ nho, ta nên để ý đến những từ-ngữ: chữ Tàu, tiếng Tàu, tiếng Khách: người Tàu tuy có một thứ chữ là hán-tự, nhưng nói rất nhiều thứ tiếng, muốn rõ-ràng ta phải nói: tiếng quảng-đông, tiếng triều-châu, tiếng Hải-nam, v. v.;

Ngoài trường-hợp trên này, khi nào không thể nhầm được, tôi dùng hai chữ như nhau, cốt sao câu văn suôi thì thôi. Tôi viết: « chữ dã, ở chữ dĩ, hán-tự », không viết: «...ở chữ dĩ, chữ nho », vì có hai tiếng chữ đi gần nhau quá.

Chữ nho, tiếng nôm và tiếng mới — Theo tự-vị của Khai-trí-tiến-đức, không nho là nôm. Định-nghĩa như vậy thì những tiếng ga, (gare) xiếc (cirque), phó-mát, tây-chảy, sì-cớ, phở... đều là nôm cả. Nhưng đối với người Việt-nam, những tiếng phó-mát, bồi, xăm... gọi là nôm, nghe chưa thuận tai. Tiện hơn là ta chia tiếng Việt-nam làm ba phần: Một phần là chữ nho: là hết thảy những hán-tự ta mượn của người Tầu và đọc theo giọng Việt-nam: những chữ này không cần phải khảo-cứu đến nguồn-gốc. Một phần là chữ mới, như những chữ bồi, xăm, phở... sì-cớ... tuy đã nhập-tịch vào Việt-ngữ, nhưng vì cỗi-rễ nó rành-mạch quá, nên nghe vẫn còn phảng-phất như tiếng ngoại-quốc. Phần thứ ba, nhiều nhất là tiếng nôm, như đi lại ăn-uống, viền-vông, liều-lĩnh. Những tiếng này đã thành ra tiếng Việt-nam trăm phần trăm (tiếng nôm tức là tiếng của người Nam) và thuộc vào phạm-vi khảo-cứu của các nhà ngữ-học. Trong khi phân-biệt hai từ-ngữ « tiếng nôm » và « chữ nho », ta không nên nhầm nguồn-gốc với cách người Việt-nam đặt câu hay dùng chữ. Ví-dụ chữ phong-tình: dù người Tầu không dùng hai chữ này đi liền nhau, ta cũng không thể cho hai chữ phong-tình là nôm được. Chữ phong-tình cũng như chữ can-đảm, đều là chữ nho cả, nhưng là những chữ nho người Việt-nam ghép-dùng một cách khác người tầu

Voyelles và consonnes. — Hai chữ này mỗi tác-giả dịch ra tiếng Việt-nam một cách. Tự-vị Đào-duy-Anh dịch voyelles là mẫu-âm hay mẫu-tự, consonnes là tử âm. Việt-nam văn-phạm ông Trần-trọng Kim dịch voyelles là nguyên-âm, consonnes là phụ âm. Càng dịch được nhiều cách càng hay vì tiếng ta càng giầu thêm. Nhưng cách dùng những chữ mới ấy hình như vẫn còn hơi lộn-xộn. Chữ *âm*, Việt nam văn-phạm cắt nghĩa là: « vốn tự nó phát ra thành tiếng », ví-dụ: a, ô, u, v. v. (Le « *âm* » est le son fondamental). *Thanh*

1) Xem Tri Tân 137 6-Avril 1944

là cái giọng làm cho âm biến ra tiếng khác, ví dụ à, ò, ù v. v... (Les « thanh » sont des intonations qui transforment le « âm » en d'autres mots). Nếu vậy thì nguyên-âm muốn dịch ra tiếng tây cho đúng, phải dịch là « sons-voyelles » mà quốc-ngữ không có mười-hai nguyên-âm như tác-giả đã nói. *Chữ* á, *chữ* â, không phải là *âm*, không thể dùng làm một vần đơn được. Chữ ă, âm nó nguyên là a nhưng ngắn hơn : ví dụ trong chữ *lăn*, âm a ngắn hơn trong chữ *lan*. Chữ â, âm nó nguyên là ê, như trong chữ *ây*, hoặc là ơ, nhưng ngắn hơn, ví dụ trong chữ câm, âm ơ ngắn hơn trong chữ cơm. Còn chữ I, chữ Y tác-giả kể làm hai nguyên-âm không được, vì tuy hai chữ nhưng chỉ có một âm.

Những chữ mới trên này, ta nên định-nghĩa lại và phân-biệt cho tiện dùng. Khi nào chỉ về âm, tức là cái nói ra thành *tiếng*, *nghe thấy*, ta nên dùng những từ-ngữ : vĩ-âm, mẫu-âm, nguyên-âm (sons-voyelles), hoặc thủ-âm, từ-âm, phụ-âm (sons-consonnes), ví dụ : tiếng ô (trong cái ô) là vĩ-âm, tiếng bê (trong con bê) là thủ-âm. Khi nào chỉ về chữ, tức là cái ta viết ra thành *nét*, *trông thấy*, ta nên dùng những từ-ngữ : mẫu-tự (lettres-voyelles), và tử-tự (lettres-consonnes), ví dụ : *chữ* ô là mẫu tự ; chữ B là tử-tự. Vĩ-âm có nước nhiều có nước ít, nhưng những tiếng có chung, như âm I chẳng hạn, thì ai nói cũng như ai. Người Anh người Pháp nói I cũng như An-nam hay Nhật-bản nói I, nhưng đến khi viết ra thành chữ, tức là thành mẫu-tự, người Anh phải viết E (ví-dụ *me* là tôi), hoặc EE (ví-dụ see là trông thấy), hoặc EA (ví-dụ sea là bể), người Pháp phải viết I hoặc Y, người Nhật phải viết hoặc .

Phân-biệt vĩ-âm và mẫu-tự như trên này, ta nhận thấy quốc-ngữ có *mười-hai mẫu-tự*, là a, ă, â, e, ê, i, o, ô ; ơ, u, ư y, và *chín nguyên-âm* là a, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư. *Chữ* ă, tức là a ngắn, chữ â, tức là ê, hay là ơ ngắn, còn chữ y thì trùng với chữ I.

B. — *Phân biệt các vần quốc-ngữ.*

Về phương-diện phân-biệt các vần quốc-ngữ, người Việt-nam có thể chia ra làm ba hạng. Có người khi nói phân-biệt tr với ch, d với gi, d với r... Những người này học viết quốc-ngữ ngay từ khi học nói. Quốc ngữ là một lối văn-tự phân-âm, nói thế nào viết thế ấy, là có thể viết đúng được rồi (cố-nhiên phải trừ những người ngọng ra). Ví-dụ nói *giời mưa*, viết *giời mưa* là đúng, viết ra *đời xưa* là sai. Cũng như người Pháp nghĩ đến con cá, phải viết poisson, nếu viết ra poison là sai...

Có người lúc nói không phân-biệt, R cũng như Gi, Gi cũng như D, nhưng lúc viết lại phân-biệt. Những người này bắt-đầu viết văn nôm mới học viết quốc-ngữ cho đúng và phải nhớ từng chữ một. Cũng đọc như Z cả, nhưng phải nhớ khi nào viết ra đình (aller à la maison communale), khi nào viết gia-đình (famille), khi nào viết ngoài da (sur la peau) khi nào viết ngoài ra (en dehors de...). Không khác gì Pháp phải biết phân-biệt ba chữ : *maire*, *mère* và *mer*, trong khi viết âm tả.

Hạng thứ ba là những người có phân-biệt, nhưng phân biệt một cách... lý-cục ! Viết đến đây, tôi không khỏi không bực tức, vì chính tôi phải tự-liệt mình vào hạng này. Như vần D, nếu tạm cho tự-vị Khái-trí là *đúng*, thì tôi phân-biệt một cách rất vô-lý, vì một nửa tôi đọc như vần gi, nghĩa là như chữ Z tây, một nửa lại đọc như vần R, nghĩa là nhẹ hơn như R tây và hơi giống vần Nh, trong chữ *nhật*, chữ *nhân* đọc theo giọng Bắc-Kinh. Ví dụ như chữ dần (giờ dần) và chữ dần dần, tự-vị Khai-trí viết như nhau. Cái bực-tức của tôi chính ở chỗ một chữ D có thể đọc ra hai lối được. Khảo-cứu về nguồn-gốc tiếng Việt-Nam cần phải phân biệt âm-giọng, nên từ giờ dở đi, trong những thí-dụ tôi

---

BẠN MUỐN CÓ ĐỦ ẢNH CÁC NHÀ VĂN DANH TIẾNG VIỆT-NAM

Như Đào-duy-Anh, Nguyễn-văn-Tố, Trần-trọng-Kim, Phạm-Quỳnh, Nguyễn-văn-Vĩnh, Phan-trần-Chúc, Đào-trinh-Nhất, Nguyễn-Tuân, Thế-Lữ, Tú-mỡ, Trần-thanh-Mại, Vũ-hoàng-Chương, Vũ-trọng-Phụng, Lưu-trọng-Lư, Ngô-tất-Tố, Nguyễn-Hồng, Hàn-mặc-Tử, Đông-Hồ, Tuấn-Sơn, Phan-Khôi, Quách-Tấn, Huy Cận, Xuân-Diệu Đoàn-phú-Tứ, Trần-tuấn-khải, Hoàng-ngọc-Phách, Tản-Đà, Tam-Lang, Trọng-Lang v.v

Tất cả 40 ảnh (Khổ 9×12), in trên giấy láng tốt bạn bạn muốn có đủ, xin gởi mandat 8$60 cho : M. Yên-Sơn, Kiosque *Thanh-Tao* ở *Vinh* (ảnh sẽ gởi theo lối bảo đảm đến bạn cùng 1 lần với 2 quyển *Nhà Văn Hiện đại* của Vũ-ngọc-Phan).

trung lên, tôi tạm không theo cái « đúng » của tự-vị Khai-Trí và phân-biệt như sau này :

Vần R và nửa vần D đọc như R. — Tôi đọc giống nhau, nhưng có phân-biệt trong khi viết. Chữ R tôi dùng để viết những tiếng dân-hóa, và phần nhiều những tiếng chưa biết rõ nguồn-gốc, ví dụ :

răng (hàm răng)
răng (mần ráng)
rèn (ở chữ luyện, dân-hóa)
rèm (ở chữ liêm, dân-hóa)
rụng (có nhẽ ở chữ lạc, dân-hóa)

Chữ D tôi dùng để viết phần nhiều những tiếng Tầu nho-hóa ra tiếng Việt-nam, ví dụ :

dân-tộc (ở chữ mẫn, quảng-đông, nho-hóa)
diện (ở chữ mìn, — id —)
dụng, employer (ở chữ yùng, - id -)
dã là vậy (ở chữ yạ. — id —)
chữ *dã* ông Trần-trọng-Kim (Nho-giáo) thường viết *giã*), ông Tản Đà có khi viết : rã có khi viết dã (Đại-Học).

Còn nửa phần D đọc như chữ Z, tôi sẽ chia ra là n hai. Có khi viết *dz*, viết chữ d để gọi là theo tự-vị Khai-Trí, còn chữ z thêm vào để nhắc lại cho độc-giả biết rằng : tôi đọc những chữ này như vần Gi. Ví dụ : dần-dần tự-vị Khai-Trí, tôi viết dzần-dzần, dương ô tự-vị Khai-Trí tôi viết dzương ô, để phân-biệt với chữ giờ dần và âm-dương, vì hai chữ này tôi đọc khác. Bắt tôi viết dzần-dzần như giờ dần, âm-dương như dzương ô, không khác gì bắt người pháp viết « baisser » rồi bảo có chỗ phải đọc là « bai-ser », có chỗ phải đọc là « bais-ser ». Tiếng tây cũng có chữ như thế, nhưng rất ít : tôi biết có hai chữ : chữ fils là con và chữ fils là chỉ, chữ content là bằng lòng và chữ content là verbe conter (ils content).

Có khi tôi viết Gi, như :

gia (gia-giảm) do chữ Ká quảng-đông
giảm (oser) — id — Kảm — id —

Chữ gia tự-vị Đào-duy-Anh viết : da. Còn chữ giảm tôi viết gi, vì phần nhiều vần K quảng-đông nhập-tịch vào Việt-ngữ đều thành ra gi cả : như :

ká-thing thành ra gia-đình
koảng — id — giảng
kao-yục — id — giáo-dục...v. v.

Còn những tiếng đôi ; như giả-dối giỏi dang... tôi viết : giả-giối giỏi-giang... vì lẽ gì sau này tôi sẽ nói.

Nói làm sao tôi viết làm vậy, nên mới phân biệt như thế : chỗ nào không vừa lòng, độc-giả có trách thì trách tôi « *nói* » tiếng nam không đúng, xin đừng trách tôi viết quốc-ngữ không đúng. Về vấn-đề này, tôi sẽ có một bài để kết-luận mục « Bàn góp về nguồn-gốc tiếng Việt-nam ».

C. — *Cốt tìm cho thấy sự thực.*

Nhà ngữ-học không kiêng tiếng tục-tằn thô-bỉ, mà cũng không cần phải dùng những tiếng văn-vẻ hùng-hồn. Nhà ngữ-học như ông thầy-thuốc : thử nước bọt cũng như thử nước tiểu, nội trong thân-thể người ta, không bộ-phận nào đáng trọng, không bộ-phận nào đáng khinh. Khảo-cứu nguồn-gốc tiếng Việt-nam cũng vậy : tiếng nào cũng như tiếng nào, không cứ tiếng văn-vẻ mới hết-sức tìm-tòi cho thấy cỗi-rễ, còn tiếng nôm-na thì gác để một nơi. Vậy trong những bài tôi viết sau này, nhỡ ra có dùng một vài tiếng . . . lạ-lùng, xin độc-giả đừng lấy con mắt đạo-đức hay mỹ-thuật mà xét-đoán những thí-dụ quá ư tự-nhiên ấy. Tôi xin lỗi độc-giả trước là hơn. Trong khi bàn về cách xếp-đặt chữ nho trong tự-điển, tôi đã « bị » một ông bạn cũ, bình phẩm rằng các ông Tây học hán-tự, phần nhiều để ý đến 216 bộ-thủ trong tự-vị Khang Hỷ, hơn là đến tư-tưởng của Thánh-Hiền. Tôi kiêu ngầm rằng các ông Tây đây là những người an nam nửa tân nửa cựu, thích khảo cứu tần-mần như tôi. Nhưng nếu giời đi vắng, ông bạn tôi có đọc báo Tri-tân, tôi xin hỏi ông rằng : khảo-cứu cách viết chữ nho, mà không biết tại sao chữ qui là rùa lại 16 nét, thì sao gọi là đến nơi đến chốn. Mà hình như Đức Khổng-Tử ngày xưa có nói : « Ô chỉ tri kỳ sở chỉ, khả dĩ nhân nhi bất như điểu hồ ». Tôi mới học được câu này, ngâm lên nghe thấy hay hay, mới biết rằng ông bạn tôi nói có lí thật !

Trong khi viết bài này, tôi nhận được Tri-tân số 137 và được đọc mấy « lời chua thêm » của ông H. B. Nhời vàng xin lĩnh ý cao, nhưng có một chỗ tôi không hiểu là trong cái thế-giới bao giờ cũng

Giá báo

1 năm	18$00
6 tháng	9, 50
3 tháng	5, 00
Mỗi số	0, 40

thay-đổi này, ông H.B. đã tìm được một thí-dụ bất-di bất-dịch, là ba tiếng bô, bố, và cái. Hai nghìn năm về trước nói là bô, bây giờ vẫn nói là bô. Hai nghìn năm về trước nói là cái, bây giờ vẫn nói là cái. Nếu quả thực như vậy, thì bây giờ ta nói : ăn cơm, uống rượu, có lẽ người Giao-chỉ ngày trước cũng nói ăn cơm, uống rượu. Tôi tự hỏi : không biết có nên cậm-cụi khảo-cứu nguồn-gốc tiếng Việt-nam nữa hay thôi ? Nhưng tôi xin nhận rằng lần trước tôi viết « cái nhầm không phải là bé » có điều hơi quá. Người đời ai cũng có lúc nhầm ; sự phải trái thường thường lại lẫn-lộn với nhau, đã chắc ai là phải ai là trái. Ông H. B. cũng tựa như người đứng gần ga : thấy xe-lửa đi qua, thì bao nhiêu hành-khách trên xe, cũng đi với xe-lửa. Đó là một ý-kiến. Còn tôi là hành khách, đứng trên toa, trông xuống dưới đường, thấy ông H.B hình như đang đi giật lùi với mấy cột giây-thép. Đó lại là một ý-kiến. Nhưng có một chỗ giống nhau, là cả hành khách lẫn người đi đường, ai nấy đều theo quả-đất quay tít đi mà không biết chóng mặt. Ông H. B. đàm-luận với tôi cũng như vậy : ông một ý, tôi một ý, nhưng ông cũng sốt-sắng khảo-cứu về nguồn-gốc Việt-ngữ như tôi. Mong rằng ông H. B. và độc-giả có ý-kiến gì khác, cho tôi biết. Chẳng đồng-ý thì ta đồng-chí. Ở đời này, nhiều nỗi đau đớn trong lòng vì những điều trông thấy, được như thế, tôi tưởng ta cũng nên tạm cho là vui thú lắm rồi.

ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ

(còn nữa)

Những ông nghè...

(Tiếp theo trang 9)

22. — **Vương-đức-Tập**, người làng Uông-hạ, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1499. Làm quan đến tiến-sát-sứ. Thọ 93 tuổi. Được truy tặng Đại-liên-ban hành-khiển (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 50 a ; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 61 b).

23. — **Đỗ-phúc Lập**, người làng Chi-các (Chi-lan), huyện Cẩm-giàng, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa 1499 (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 50 a ; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương tờ 30 a).

24. — **Lê-đình-Tấn**, người làng Vĩ-vũ, huyện Vũ-giang, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa 1499. Làm quan đến phó-đô ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 6 b 7 a).

25. — **Lương Kản**, người xã Phượng-trường (nay Phượng-trì), huyện Đan-phượng, tỉnh Sơn-tây. Nguyên-quán ở xã Lai-xá. Năm 34 tuổi đỗ tam giáp khoa 1499. Năm đinh-mão 1507 hiệu Đoan-khánh, phụng mệnh đi sứ sang nhà Minh để tạ về việc tặng lụa mùi. Làm quan đến hữu-thị-lang, trí sĩ (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 31 a ; *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 50 a).

26. — **Ngô-Tuy**, người làng Tông-trành, huyện Đường an, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1499. Năm đinh-mão 1507 hiệu Đoan-khánh, làm chức Hàn-lâm hiệu-lý, phụng mệnh sung chức phó-sứ bộ cống. Trong đời Hồng-thuận (1509-1515) Trần-Tuân làm loạn, ông Ngô-Tuy không chịu hộ giá, đem vợ con về quán trước, vua giận giết chết (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 14 a ; *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 50 a).

37. — **Dương-đức-Kỳ**, người làng Hồng-khê, huyện Duy-tiên, phủ Lý-nhân, trấn Sơn-nam. Đỗ tam giáp khoa 1499. Làm quan đến phủ doãn Phụng-thiên (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 76 b).

28. — **Lê-Tự**, người làng Ngoã-phấn (Ngoã kiều), huyện Kỳ-hoa, tỉnh Nghệ-an. Năm 34 tuổi đỗ tam giáp khoa 1499 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Nghệ-an, tờ 51 b ; *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 60 b).

(Còn nữa)

Ứng hộ NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đã có bán về dịp Tết :

NỬA ĐÊM

Truyện thôn-quê của Nam-Cao giá 2$00

Nam Cao là một nhà văn chuyên là phong-tục thôn quê Việt Nam, với một ngòi bút đanh thép. Nếu các bạn muốn hiểu người dân quê Việt Nam một cách sâu-sắc, nếu các bạn muốn có những kiến thức rất thực về thôn-quê Việt-Nam ; nói tóm lại, nếu các bạn muốn hiểu đồng bào một cách chu-đáo, các bạn đều nên có cuốn Nửa đêm của Nam Cao.

VUI XUÂN

Tức Hoa Mai số Tết của Ngô-Hòa giá 0$30

Phách bướm hồn hoa

Tức Hoa-Mai số Mùa Xuân của Thế-Hưng giá 0$30

Nhà xuất bản Cộng-Lực N° 9 Rue Takou — Hanoi

ĐẠI NAM DẬT-SỰ

Số 30 Ông-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXIII.— Cao-Biền và Cao-Tầm

Cao-Biền tiểu tự là Thiên-lý, người châu U, là cháu nội Nam-bình quận-vương Sùng Văn, đời đời giữ binh quyền. Đến Cao-Biền chịu khó đi học, hay bàn luận những việc cổ kim; người trong quận đều khen ngợi. Lúc nhỏ theo Chu-thúc-Minh làm chức tư-mã. Một hôm có hai con diều hâu đang bay, Cao-Biền giương cung bắn, nguyện rằng: « Nếu ngày sau tôi lớn mà được làm quan to, thì cho tôi bắn trúng ». Rồi bắn một phát tin cả hai con; người trong quận lấy làm kinh dị, gọi là Lạc-điêu thần-ngự (chức thần-ngự bắn được diều hâu). Dần dần thăng đến Hữu-thần sách Đô-ngự hầu. Sau có công được thăng Tấn-châu Phòng-ngự sứ.

Khi Nam-chiếu hãm Phủ-thành đô-hộ, Cao-Biền thay Trương-Nhân sang làm « An-nam Đô hộ tổng-quản, kinh-lược chiêu-thảo sứ ».

Tháng 7 năm thứ 6 hiệu Hàm-thông (865), Cao-Biền đóng quân ở trấn Hải-môn, chưa tiến thì Giám-quân là Lý-duy-Chu, xưa nay vẫn ghét Cao-Biền, chỉ mưu cách chứa mới giục Cao-Biền tiến lên. Cao-Biền đem hơn 5.000 người sang sông, hẹn Duy-Chu đem quân cứu viện. Nhưng khi Cao-Biền đi khỏi, thì Duy-Chu giữ quân đóng ở Hải-môn, không đi.

Tháng 9 năm ấy, quân Cao-Biền đi đến huyện Nam-định, (nay Gia-lâm, Gia-định), thì quân Nam-chiếu ở châu Phong gần năm vạn đang gặt lúa, Cao-Biền đánh úp được to, chém được tướng là bọn Trương-Thuyên, lấy được lúa cho quân ăn (*Khâm-định Việt-sử* tiền-biên, q. 5, tờ 7b; *Đại-Việt sử-ký toàn thư*, q. 5, tờ 13b).

Lúc bấy giờ (khoảng tháng năm 866) vua Nam-chiếu tên là Tù-Long tháng Đoàn-tù-Thiên làm Tiết-độ-sứ đất Thiện-viên (kinh đô riêng của Nam-chiếu, ở phía tây bắc Giao-châu), cho Dương-thấp-Tư (*Toàn-thư* q. 5, tờ 12b) chép là Trương-Thấp, *An-nam chí nguyên*, q. 2, tr. 162, chép là Dương-tư-Tấn) đến giúp Tù-Thiên giữ nước Nam (*Toàn-thư* chép giúp Tù-Thiên đánh Giao-châu; *Khâm-định* chép giúp Tù-Thiên vào ăn cướp đều không phải, vì lúc ấy Nam-chiếu đã chiếm được An-nam đô-hộ-phủ rồi, còn phải đánh ai nữa? Nên theo *Sử ký* tiền biên, q. 6, tờ 18b, chép là cùng giữ nước Nam, cho Phạm-nê-Ta làm Đô-thống phủ đô-hộ, Triều-nặc-Mi làm Đô-thống Phủ ta (thuộc về phủ Đô-hộ; nay Vân-nam còn thành Phủ-ta ở huyện La-thư).

Giám quân nhà Đường là Trần-Sắc sai Vi-trọng-Tề đem 7000 người đến châu Phong, Cao-Biền được thêm quân, tháng 6 năm ấy (866) tiến đánh Nam-chiếu, được luôn mấy trận, Tín được về đến Hải môn, Duy-Chu giấu đi, đã vài tháng không có tin tức gì về Tàu, vua Đường ý-tông lấy làm lạ, ban chiếu hỏi tình-trạng. Duy-Chu tâu « Cao-Biền đóng quân ở châu Phong, nhàn giặc không tiến ». Vua Đường giận lắm, cho Hữu-vệ tướng-quân là Vương-yến-Quyền thay Cao-Biền, với Cao-Biền về kinh, ý muốn trị tội.

Nhưng tháng ấy Cao-Biền phá được quân Nam-chiếu, chém được tướng Nam-chiếu là Trương-Thuyên, Lý-Ta và Long-Mân; hơn một vạn quân Nam-chiếu xin hàng; nhổ được ba đồn ở Ba-phòng.

Nam-chiếu thu nhặt dư-chúng vào thành đô-hộ giữ chặt. Tháng 10 năm ấy, Cao-Biền vây Phủ-thành hơn mười ngày, quân Man cùng-chốn, thành sắp hạ được, thì tiếp được điệp của Vương-yến-Quyền, là người thay Cao-Biền. Trong điệp nói rằng Yến-Quyền cùng Duy-Chu đã đem đại-quân ra khỏi Hải-môn. Cao-Biền liền giao việc quân cho Vi-trọng-Tề, rồi cùng hơn 100 hùy-hạ về Tàu.

Trước khi ấy Trọng-Tề, đã sai tiểu-sứ là Vương-tuệ-Tán (*Toàn-thư* và *Việt-kiều* chép là Huệ-Tán) và Biền sai tiểu-hiệu là Tăng-Cổn đem thư báo tin được trận về Tàu. Đi đến giữa bể trông thấy thuyền có cờ quạt ở phía đông đi lại, hỏi những du thuyền, thì trả lời: « Đấy là thuyền Quan Kinh-lược mới và Giám-quân ». Hai người bàn với nhau: « Nếu để Duy-Chu biết, tất họ cướp lấy tờ thiếp » nên dấu biểu trong khe núi, lợi thuyền Duy-Chu đi khỏi, lại chạy thẳng về Tàu.

Vua Đường được biểu tâu mừng lắm, liền cho Cao-Biền chức Kiểm-hiệu công-bộ thượng-thư, sai Biền lại đánh quân Man. Nên Biền đi đến Hải-môn, lại trở lại.

Trong khi ấy Yến-Quyền vốn là người nhút-nhát làm việc gì cũng xin mệnh-lệnh của Duy-Chu, Nhưng Duy-Chu là người tham-ác, các tướng không theo, vì thế quân Man giải được hai lần vây, chốn đi quá nửa.

Cao-Biền trở lại, bèn đốc thúc tướng-sĩ dành thành. Man-tướng là Dương-thấp-Tư ra đánh, bị thua chạy về; quân của Cao-Biền nhân thế đuổi vào, lấy lại được thành, chém được bọn Tù Thiên, Nê-Ta, Nặ-Mi và Chu-cổ Đạo (*An-nam chí-nguyên*, q. 2 trang 163 chép Chu-đạo-Thạnh) là thổ-man làm hướng-đạo cho Nam-chiếu và chém hơn ba vạn đầu giặc, quân Nam-chiếu chốn đi hết. Cao-Biền lại đánh phá hai động thổ-man đã theo với Nam-chiếu và giết tù-trưởng. Thổ-Man đem quân qui phục một vạn bảy nghìn người (*Đại-Việt sử-ký*, Tiền-biên, q. 6, tờ 18 b đến 19 b, *Khâm định*, Tiền biên, q 5 tờ 8b đến 9 b), *Toàn-thư*, (q. 5, tờ 13 b đến 14 b) *An-nam Chí nguyên*, q. 2, trang 161-163 và *Việt-kiều-thư*, q. 4, tờ 15 b 16 b)

Mùa đông tháng 11 năm ấy (866) Vua Đường ban chiếu cho các lộ quân châu Giao, châu Ung, và Tây xuyên đều phải giữ bờ cõi, không được đánh nhau, đặt Tĩnh-hải-Quân ở châu Giao, cho Cao-Biền chức Tiết-độ, kiêm Hành-doanh Chiêu-thảo-sứ các đạo. Từ khi Lý-Trác tham-nhũng độc-ác, quân Man khởi loạn, gần mười năm, đến đây mới yên.

« An-nam đô-hộ-phủ » gọi tên là « Tĩnh-hải-quân » bắt đầu từ đấy.

Cao-Biền vào ở phủ trị, đắp thành Đại-la, định lại bờ cõi và làm sổ trấn thủ cống-thuế (tức là

Thống chế Pétain đã nói :

Trong tất cả các giai cấp, chúng ta cố tạo nên những hạng thượng lưu để chỉ căn cứ vào tài lực và tư cách của họ mà giao phó cho họ quyền điều khiển.

quyền sổ biên chép chỗ nào bao nhiêu binh, xứ nào bao nhiêu thuế), người Giao-châu kinh sợ, tôn làm Gao Vương (*Toàn thư* chép : Biền tự xưng vương).

Đến tháng giêng năm sau (867), Cao-Biền đi tuần-thị đến châu Ung, châu Quảng, đường bể có nhiều đá ngầm ở dưới nước, hay làm úp thuyền, vận tải không thông. Cao-Biền sai trưởng-sử là Lâm-Phùng và Hồ Nam tướng quân là Dư-tồn Cổ lĩnh-quận bản-bộ và thủy-thủ hơn 1000 người đi đến đào cho thông. Dụ rằng : « Lẽ giời giúp thuận, thần giúp người trung-trực, nay đào đường bể để giúp sinh-dân, nếu không thiên tư, thì có khó gì ? Các quan đô-hộ trước khao quân không đến, giữ phép không bền, là vì trái trước, mưu lợi riêng, nên người đều chễ biếng, nay ta không thế, chỉ cốt làm được việc công mà thôi ». Nói xong, bọn Lâm Phùng vâng mệnh ra đi.

Ngày 5 tháng 4 năm ấy khởi công đào ngòi, được hơn một tháng, sắp đi được, nhưng có hai chỗ đá lớn kết chặt đến vài trượng, rìu búa đập vào thì sức búa gẫy rìu. Phù làm cả ngày chỉ nhìn nhau chùng phải bỏ dở, thì sách chép « ngày 26 tháng 5, giữa ban ngày, tự nhiên nổi mưa to gió dữ, trông trong rừng như đêm, nhìn bàn tay không rõ, được một chốc nổ vài trăm tiếng sét ở chỗ đá lớn, nghe rất dữ dội, lâu-lâu lại tạnh, người làm chạy đến xem, thì mấy tảng đá đã vỡ nát hết ».

« Ở phía tây cũng có hai hòn đá to như hai ngọn núi đứng đối nhau, thợ làm đều bỏ tay. Sách chép « ngày 24 tháng 6 lại nổi trận sét nổ như lần trước. Thế là những đá lớn đều vỡ nát hết, nhân gọi tên là Thiên-oai cảng ». Từ bấy giờ trở đi, dân châu Giao châu Quảng đi thuyền bể được yên ổn (*Toàn-thư*, q. 5, tờ 14 a đến 16 a).

Sang tháng 7 năm sau (868) Vua Đường cho Cao-Biền làm Hữu Kim-ngô-vệ đại-tướng quân, (*Sử ký*, Tiền biên, q. 6 tờ 21 b chép : thăng Biền làm kiêm-hiệu thượng-thư hữu bộc-sạ).

Đến năm thứ 2 hiệu Kiền-phù (875) Vua Đường đổi Cao Biền làm Tây-xuyên tiết-độ sứ, cho châu họ là Cao-Tầm thay chức Tĩnh-hải-quân tiết-độ sứ.

Cao-Tầm gọi Cao-Biền bằng ông họ, thường làm tiên-phong cho Cao-Biền, thân chịu mũi tên hòn đạn để làm nêu cho quân lính. Đến năm 875 Cao-Biền dâng biền xin cho Cao-Tầm thay mình làm Tĩnh-hải-quân tiết-độ sứ : Vua Đường y cho.

Biền ở châu 9 năm (866 875), Tầm ở châu 4 năm (875 878).

(Còn nữa)

Ưng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

HỘP THƯ

Ô. Ng. hữu Tiết — Thái nguyên — đã được mandat rồi — Cám ơn.

LẠI MỘT BÀI THƠ CỦA ĐỒ CHIỂU

Số 2

LÊ THỌ-XUÂN

Thạch-kỉnh-Đường lại cắt đất dâng cho rợ Khiết-đơn để được làm vua yên-ổn và xưng là nhà Tấn. Bởi thế người sau gọi anh ta là Thạch-Tấn. Thời nầy là thời Ngũ-quí mà cũng gọi là Ngũ-đại, một thời loạn-lạc bên Tàu.

Cảm sự, cụ Nguyễn-đình-Chiểu soạn ra quyển «*Ngư Tiều vấn đáp*» luận về nghề làm thuốc. Quyển nầy thuật chuyện về thời Ngũ-quí:

«*Kể từ Thạch-Tấn lên ngôi,*
«*U, Yên mấy quận cắt bồi Khiết-đơn.*
«*Sanh-dân xiết kể chi sờn,*
«*U, Yên trọn lại giao huờn về Liêu.*
«*Theo trong hảo-kiệt rất nhiều,*
«*Ôm tài, dấu tiếng làm tiều làm ngư.*

Lão Tiều trước sau năm lần cưới vợ, nhưng bốn người trước đã theo nhau «*Kẻ đau sản-hậu, người đau thai tiền*», mà một người còn cũng bịnh-hoạn luôn năm. Lão Ngư thì có mười đứa con, nhưng:

«*Đứa thời đau chứng cấp-kinh,*
Đứa đau cam-tích bụng bình-rình ra,
Đứa thời hai mắt quáng-gà,
Đứa thời đau miệng khóc la rún lòi,
Đứa thời đau bụng lãi chòi,
Đứa thời ả kiết rặn lòi con trẻ,
Đứa thời sải ghẻ nóng mê,
Đứa đau hoa trại đốc về hông vai».

Thế là chết tám đứa, chỉ còn có hai. Mà hai đứa sau được khoẻ mạnh là nhờ có du-sĩ chỉ thấy hay. Tiều mừng hỏi phăng tới. Ngư nói không biết ông thầy tên gì mà chỉ nghe lấy hiệu là *Nhơn-sư* và

«*Ngư rằng: kẻ sĩ du-phương*
Trước Châu Đạo Dẫn đem đường cho ta».

«*Trước-châu*», phải chăng cụ Nguyễn-đình Chiểu muốn chỉ là Bến-tre như «Trước-giang, Trước-tân», nhưng người chép chữ nôm chép lầm ra «*Trước*» là «ngày trước» và «*châu*» là «họ Châu», thành vô nghĩa?

Ông thầy ấy

«*Những người mắt tục coi làm biết đâu.*
«*Nhơn ta bịnh trẻ đi cầu,*
«*Có nghe du-sĩ (1) ngâm câu thơ rằng:*

«Du-sĩ độc Nhơn-sư thị:

«Xe ngựa lao-xao giữa cõi trần,
«Biết ai thiên-tử, biết ai thần!
«Nhạc Thiều tiếng dứt khôn trông phụng,
«Sách Lỗ biên rồi khó thấy lân.
«Khuất mắt Hi-di trời Ngũ-quí,
«Mỏi lòng Gia-cát đất tam phân.
«Công-danh chi nữa, ăn rồi ngủ,
«Mặc lượng cao-dày xử với dân.
«*Tiều rằng: mừng gặp hiền-nhân,*
«*Nghe bài thơ ấy thật trân-bửu đời.*
«*Bấy lâu những tưởng, không người,*
«*Ai hay hang trống sót người ẩn-thân.*»

Đó, bạn đọc đã thấy bài thơ nầy ở trong quyển «*Ngư Tiều vấn đáp*» của cụ Nguyễn-đình-Chiểu. Cụ thác lời một trang ẩn-dật than việc cướp ngôi thay chủ «*Biết ai thiên-tử, biết ai thần*» trong thời Ngũ-quí. Sanh vào thời ấy, gặp phải thế ấy thì chỉ còn nước «*công danh chi nữa, ăn rồi ngủ*» và chi-chi phú mặc đấng Cao-xanh.

Nếu ai còn ngờ rằng cụ Nguyễn-đình-Chiểu lấy ý của cụ Phạm-như-Xương mà đặt bài thơ nầy trong «*Ngư Tiều vấn đáp*», thì tôi xin thành-thật thưa rằng: Bài của cụ Phạm — theo lời ông Phan-Khôi — thì soạn trong năm 1885. Còn theo ông Nguyễn-đình-Chiêm (qua đời năm 1935) thì sau ngày ba tỉnh phía đông Nam-kỳ thuộc Pháp (1862), cụ Đồ bỏ Cần-giuộc về Ba-tri; cụ ở tại Ba-tri mà dạy học và lần-lần soạn quyển «*Ngư Tiều vấn đáp*» (2); kế khi trọn xứ Nam-kỳ thuộc Pháp (24-6-1867), Đốc-binh Phan-công-Tòng tử trận tại Giồng Gạch (Batri), cụ có làm mười bài liên-hoàn ai-điếu; rồi từ đó, cụ chẳng có một chữ nào khác mà cũng chẳng màng đến những tác-phẩm đã có của mình dẫu vào tháng Novembre 1883, quan Chánh-tham-biện (3) Bến tre là Michel-Ponchon có nhờ cụ sửa chữa bổn «*Lục-vân-Tiên*» đã in bằng chữ nôm, cụ cũng ừ-hữ gọi là vạ bảo học-trò làm thay công-việc đó.

Trong lúc tấn niên, phần trò đời sự thế nặng chất ở cõi lòng

khô-héo, phần bịnh-hoạn đua nhau giày-dập tấm thân ôa-truân, cụ Nguyễn-đình-Chiểu còn thiết gì đến văn-chương nữa. Bằng-cớ chắc chắn là trong năm 1889, hết ông Pillet, một nhà thực nghiệp ở Bếntre nói : « Cụ còn về xuân dầu đã thọ bịnh từ một năm nay (4), đến ông Ponchon nói : « Cụ Đồ Chiểu nằm trên giường vì đương cơn bịnh nặng (...) Cụ bước ra khỏi phòng, có hai người dìu đỡ » (5), và báo « *Indépendant de Saigon* » tha thiết mấy hàng : « .. Chúng ta sẽ không xứng đáng với nền văn minh mà chúng ta thay mặt ở xứ Nam-kỳ, nếu chúng ta để cho một ông lão tài đức như thế phải sống nhọc nhằn trong cảnh khốn cùng bịnh tật. » (6)

Trước những bằng cớ trên, tôi xin bạn-độc trả bài « *Vỗng lọng nghinh-ngang giữa cõi trần* » — tôi không dám ngờ rằng không có — cho cụ Hoàng-giáp Phạm như Xương, người tỉnh Quảng nam của ông Phan-Khôi và của ông Nề-Uy, và trả bài « *Xe ngựa lao xao giữa cõi trần* » cho cụ Tú-tài Nguyễn-đình-Chiểu, tác-giả của quyển « *Ngư Tiều vấn đáp* ».

(Hết)

LÊ-THỌ-XUÂN

(1) *Tức Đạo Dẫn.*

(2) *Nam-kỳ tuần báo 26-6-40 trang 40.*

(3) *Tức là quan Công sứ ở Trang-Bắc.*

(4-5) *Bài của Khuông-Việt trong « Nam-kỳ tuần-báo » 26-6-43, trang 19 và 20.*

(6) *Bài người Pháp đối với quyển Lục vân-Tiên và cụ Nguyễn-đình-Chiểu » của Thường-sơn chi, đăng trong Nam-kỳ tuần báo 26-6-43, trang 24*

Từ văn chương...

(Tiếp theo trang 11)

Tuy chiều đến về nhà đã mệt lử, mà vẫn còn kiếm cách làm vui cho chủ đã già yếu, lại săn-sóc đến sự ăn uống của chủ bằng tiền mà vũ đã kiếm được.

(P Loti — 1898)

VI — Làm thiện không mỏi

Bà quả phụ Bataille là người làng Poix, 62 tuổi, nghèo nhưng trong một đời đã hi-sinh cho chữ « thiện ».

Bà có một công việc làm đặc-biệt vì không những bà nuôi các trẻ nhỏ bài-ba tuổi của viện Nhi-đồng giao cho, lại còn nuôi cả những người già cả tàng-tật nữa.

Các ngài giao cho bà những người ấy ư ? Bà sẽ vui lòng nhận ngay !

Tuy bà đã bận các việc ấy mà vẫn còn đủ thì-giờ đi ra ngoài để trông nom cả những người ốm nghèo.

Người nghèo đau ư ? tìm đến bà, vì họ cho là một sự tự-nhiên mà chính bà cũng đo như thế.

Trong bao nhiêu năm làng Poix không có một bà mụ nào phải bỏ về làm việc ? Vì các công việc ấy đã có bà quả phụ Bataille làm cả rồi.

Khi có bệnh truyền nhiễm, một tay bà săn sóc cả, nhất là gặp khi có bệnh tả thì bà đã hi-sinh một cách rất can-đảm.

Năm 1848, ở làng có bệnh dịch tả, trong khi các thân-nhân người bệnh sợ hãi bỏ trốn, một mình bà đã đến từng nhà hoặc an ủi, hoặc cho thuốc, không có nhà nào trong làng là bà không giúp đỡ.

Bà đã nuôi 8 con bà, hai đứa cháu mồ côi cha đã 5 năm, 3 đứa cháu mồ côi (con người con cả), hai đứa cháu ngoại con một người con gái bị bệnh tê, ngoài ra còn con gái, con dâu không có việc làm, lại một ông em chồng nữa, đó là riêng về gia đình bà.

Thêm vào đấy các trẻ ốm, sài mà viện Nhi-đồng giao bà trông nom, chữa khỏi rất nhiều, không sao kể hết.

Ngày nay, tuy lưng còng, gối mỏi, các ngài đừng tưởng bà đã thôi làm việc đâu ! Bà vẫn còn lê đi khắp trong làng để cứu giúp người nghèo như hồi còn trẻ.

Phần thưởng hai nghìn quan mà viện Hàn lâm ban cho bà, hôm nay, viện cũng biết sẽ làm cho bà được vui mừng vì bà sẽ có thêm số tiền để giúp đỡ người nghèo.

(V. Sardou — 1880)

Để kết luận bài này, tôi cũng mong các nhà trí-thức ở đây lưu-tâm đến việc xã-hội, như các cụ Hàn nước Pháp.

Tôi còn nhớ có một hội Thiện ở đấy cũng đã treo giải bằng những văn bằng danh-dự, nhưng thế chưa đủ, nên thêm vào đấy một số tiền để tưởng lệ những người đã vì đồng-bào mà hi-sinh, những người ấy đại đa số đều là người nghèo cả, vì có nghèo thì mới biết thương nhau.

TIÊN-ĐÀM *thuật*

1) Theo quyển La morale vécue của C. François có bài tựa của nhà sử học Ernest Louise ở viện Hàn lâm

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p·00 một vé

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

CHÀY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 24

CHU-THIÊN

Đoạn Đoàn công tử đứng lên nai nịt lại gọn gàng, ghé tai giặn nhỏ Công-tử Thịnh-Nguyên, rồi cùng Nghĩa-sĩ Vân-Côi, nhanh-nhẹn sang bên cung Chương-Võ. Chàng là người thân tín trong cung, nên quân canh không dám hỏi han gì cả, cứ việc tự-nhiên đi vào. Qua mấy lớp hành lang, chàng lần vào mãi trong Chính-tẩm, nơi mà chàng đã đi lại quen thuộc rồi. Đêm nay mát giời, đức vua Chương-Võ cho gọi Tần phi lên cung yến ẩm và ái-ân, lúc ấy đã mãn cuộc và yên nghỉ rồi. Đoàn Văn đứng lại ngoài cửa đứng ngẫm-nghĩa suy nghĩ lại một lúc, rồi ghé tai Vân Côi khẽ nói. Vân-Côi gật đầu. Chàng liền đẩy cửa bước vào. Vua Chương-Võ và Trần-thị đang ngủ thiếp trên giường. Chàng vẫy Vân Côi cùng vào, rồi cài chặt cửa lại. Vân Côi lại cẩn thận nhặt lấy cả những kiếm đao, để gọn lại một góc, trước khi để cho Đoàn Văn đánh thức Vua Chương-Võ. Ngài giật mình ngồi nhỏm giậy, hiểu ý ngay, lùi vào góc giường lơ láo tìm binh khí không thấy, cố giữ vẻ bình-tĩnh thản mặt ngài hỏi :

— Con hỏi gì mà sang khuya thế ?

Đoàn-Văn rắn giỏi đáp :

— Cháu muốn nói chuyện với

Điềm-đạm thong thả, ngài hỏi :

— Hỏi gì thì nói, sao lại cho cả tên lính kia vào.

— Bẩm bác, cần phải có người ấy ở đây mới rõ đầu đuôi câu chuyện.

Nghĩa-sĩ Vân-Côi, liền nhấc mũ ra để lộ cái trán cao rộng và đôi mắt sáng, ung dung xưng danh !

— Tâu điện-hạ, vi tiểu tướng là Vân-Côi,

Cau mày mím môi tỏ vẻ khinh bỉ, ngài nói :

— Vậy các anh muốn gì ? nói đi

Đoàn-Văn đứng giẻ hai chân rất vững-vàng, tay cầm thanh kiếm giơ ngang bụng như thủ thế và ung dung nói :

— Cháu sang thưa với bác là bác đã chủ tâm... giết hại... cha cháu !

Vua Chương-Võ vùng đứng giậy chực nhảy sổ ra đánh Đoàn-Văn nhưng nghĩ sao lại thôi, đứng im và hỏi :

— Anh nói lạ ! anh lại nghe người ta sui bầy... Vân-Côi sui anh chứ gì ?

— Dạ bẩm bác, không ạ ! một người trang-sĩ chân-chính không bao giờ nói sai và vu khống. Cháu biết bác giết cha cháu do nhiều bằng cớ hiển-nhiên. Bác không nhận, bắt buộc cháu phải kể rõ bằng chứng ấy.

Lạnh-lùng, ngài giục :

— Anh thử kể ta nghe những điều họ đặt để ?

Đoàn-Văn cười gằn, dõng dạc nói :

— Vâng đặt để nhưng mà là sự thực. Bác mộng tưởng làm vua cả giang sơn này, nên bác thông đồng với họ Trần, giữa lúc chúng nó cầu thân với bác để giết thày cháu, mà chiếm lấy đất đai miền Đông-hải. Thày cháu chết rồi, muốn lấy rất nhẹ nhàng ổn-thỏa bờ cõi của bạn, bác lấy tiếng rước cháu về định đem con gái mê hoặc lòng cháu. Cháu biết giã tâm của bác ngay từ khi ấy, mà cháu cứ nín đi đợi đến ngày nay. Chứ có lý gì quân hai bên hùng mạnh như thế mà lại bị chết một cách thảm thương. Lời phỏng-đoán của cháu đến nay được chứng thực hiển-nhiên. Tráng-sĩ Sơn-Hạc mà bác dùng trong việc ấy đã đem tỏ giác mọi sự dụng tâm của bác với nghĩa sĩ Vân-Côi đây...

Ngừng lại dò dò xem Chương-Võ có nói gì, nhưng thấy ngài vẫn lạnh lùng như tiền, chàng thong-thả nói tiếp :

— Bác đã khôn đem con gái để dụ anh chàng si mê kia, bác lại không khôn để cho anh ấy phải phẫn uất vì ghen, ghen nên bắn phải giả thù. Bác đổi bắn ra làm quan ngoài là bắn có dịp tỏ hết ngọn ngành với Vân-Côi và trở kể báo cả cho cháu biết...

Vua Chương-Võ lắc đầu !

— Bịa cả, toàn bịa cả. Lấy gì mà anh bảo là chứng cớ hiển-nhiên. Chẳng qua họ thù ghét, họ ham tước lộc họ Trần, chịu họ Trần xui bầy, mà đổ lỗi cho ta đấy thôi. Nay một kẻ chết rồi mà chết về tay anh, họ dùng ngay lấy đề làm cho to chuyện. Chứ kẻ chết còn ai đến mà hỏi được nữa.

Đoàn-Văn chừng mắt nhìn ngài to tiếng.

— Bác tưởng cháu theo người ta bịa phải? Cháu giết hắn cốt để cho bác khỏi nghi ngờ cháu, còn cái chuyện tố giác, có giấy má hẳn hoi!

Đưa mắt nhìn Vân Côi, chàng hạ giọng tiếp:

— Nghĩa sĩ đọc tờ thư cho bác nghe và đưa bác xem chữ ai viết,

Vân-Côi thò tay vào bọc lấy ra tờ giấy đọc:

— « Sơn-Hạc trang-sĩ Đào-Lịch xin tố giác và thú nhận với Nghĩa-sĩ Vân-Côi rằng, vì say mê sắc đẹp Kim-Vân công-chúa, con gái vua Chương-Võ, tiểu tốt cam tâm vâng theo vua Chương-Võ thân dẫn quân Trần về giả vờ giao chiến rồi xông vào đánh chết Đông-Hải đại vương. Việc xong không được như ước, tiểu-tốt hối hận quá, nên phải trình với nghĩa-sĩ cho nhẹ tội, và mong nghĩ sĩ chỉ bảo cho cách báo thù lại Chương Võ để chuộc tội với Đông-hải đại vương. Xin rập đầu chịu tội và đợi mệnh »

Vân-Côi đọc xong, Đoàn-Văn liền nói:

— Cái anh chàng hèn này kẻ giết đi cũng đáng. Nhưng còn cái kẻ giả tâm phản bạn, dối người, thì phải xử thế nào cho xứng với tội và treo gương muôn đời về sau.

Vua Chương-Võ không nhịn được nữa, liền nhảy sổ lại dùng miếng « *lôi đả* », đánh bổ xuống đầu Đoàn-Văn. Nhưng nghĩa-sĩ Vân-Côi đã nhanh-nhẹn nhẹ nhàng giơ đốc kiếm ra gạt ngài lùi lại mà nói:

— Tâu điện-hạ, xin điện hạ thư thả, để lũ tiểu-tướng tâu trình hết mọi điều đã.

Ngài hung-hăng quát lớn:

— Chúng bay nhẫn tâm, chúng bay điên đảo! Chúng bay hèn nhát. Thông-đồng với nhau, để lừa lúc ta ngủ, xông xáo vào trong phòng vi, cướp cả binh-khí, lên mặt ta đây. Làm cái lối chó cắn trộm ấy, là hèn mạt!

(Còn nữa)

CHU-THIÊN

do Quảng-Vạn-Thành *phát hành sắp in xong*

ĐỜI DOÀN-THỂ

của Hải-Tùng — « Tam-Hữu » xuất bản

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Sách dày ngót 150 trang giấy ta có 17 mục: 1· Tư-đức và Công-đức — 2· Cá-nhân và Xã-hội — 3· Xã-hội và các loại xã-hội — 4 Xã hội muốn cứng vững và tiến bộ cần những điều kiện gì — 5· Quan-niệm về xã-hội của nước ta — 6· Vì đâu quan niệm về xã hội của người Việt-Nam không được chính sác? — 7· Quan-niệm về xã-hội không được chính-sác gây ra những tê-hại gì? — 8· Người Việt-nam ngày nay nên có quan-niệm về xã-hội như thế nào? — 9· Mấy nguyên tắc chính nên chú ý vào khi ta muốn dựng một xã-hội chắc chắn. — 10· Tinh-thần hợp tác. — 11· Tinh-thần giữ kỷ-luật. — 12 Tinh-thần chịu trách-nhiệm và giữ trách-nhiệm — 13 Tôn trọng việc công và của công. — 14· Giữ lễ — 15· Làm việc cho xã-hội. — 16· Lòng bác-ái. — 17· Dùng cơ-quan nào dựng nên công đức ở xã-hội ta. *Giá bán lẻ* **2$00**

Vị nào gửi tiền mua trước ngày 30 Juin 1944, xin trừ 20% cước phí không phải chịu.

Cùng các vị thân-chủ Thư-quán, xin chú ý rằng những sách do *Quảng-vạn-Thành* phát hành đều là sách chọn lựa cẩn thận, vị nào muốn cần bao nhiêu xin kịp viết thư thương-lượng, không lại nhỡ như quyển *Văn liệu Từ-điển* năm ngoái, cô vị biết đến thì đã hết rồi.

Cùng các nhà văn — « Tam-Hữu » bản cục chúng tôi, muốn công-hiến quốc-dân những sách có giá-trị, vậy trong hải nội quân-tử, vị nào có tác-phẩm gì — hoặc sáng tác, hoặc phiên-dịch, nhất về phổ-thông học-thức — xin cho biết, chúng tôi sẽ tìm đến, trân trọng cầu xin, lẽ tất nhiên không dám để phụ lòng những bậc văn-hào hạ cố tin yêu tới.

Mọi việc giao-dịch, xin do: Quảng-Vạn-Thành

16 phố Lê-Lợi Hanoi — 51 phố Doumer Haiphong

Thư-xã Alexandre de Rhodes
MỚI XUẤT BẢN

LỤC VÂN TIÊN

Quyển nhất

bản dịch của **Dương-quảng Hàm**, Pháp-văn và Việt-văn đối - chiếu, kèm tranh ảnh của **Mạnh-Quỳnh**

sách dày 250 trang khổ 17×23

bản thường 4$00 cước 0$60

bản giấy láng 10$00 cước 1$20

Tổng phát-hành

MAI-LĨNH

21 rue des Pipes

Hanoi

Sắp có bán

CỰC ĐÔNG

cổ sử

của Nguyễn đức Quỳnh.

Nghiên cứu về lịch sử địa dư, kinh tế, chính trị của Trung quốc và AN ĐỘ

Đã có bán

NGUYỄN CÔNG TRỨ

của *NGUYEN BACH KHOA*

dày 400 Trang giá 6$00

Mua một cuốn gửi thêm 0$80 cước

Không bán lẻ hóa giao ngân

HÀN THUYÊN *71 Tiên Tsin — Hanoi*

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC SỬ LƯỢC

của **PHAN KHOANG**

Một bộ sách kê-cứu rõ ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quí của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :

Loại thường bán 6$00 cước 0$47

Loại đặc-biệt 15$00 cước 0$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

QUỐC HỌC THƯ XÃ

Mới phát hành

VIỆT HOA THỐNG SỬ

Giá 5$00

Sắp phát hành

Lược-luận về **PHỤ-NỮ VIỆT-NAM**

Luận-lý **DU-THUYẾT YẾU THUẬT**

LỊCH - SỬ, BÁO - CHÍ hoàn cầu

NGHỆ - THUẬT và **DANH - GIÁO**

mua sách, đặt sách, xin viết cho

M. LÊ VĂN HOÈ

16 bis Tientsin Hanoi

REVUE TRI-TÂN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phương Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi